

## KẾT LUẬN THANH TRA

**Trách nhiệm việc thực hiện các quy định pháp luật về PCTN;  
trách nhiệm quản lý đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình  
thủy lợi tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông**

Thực hiện Quyết định thanh tra số 18/QĐ-TTr ngày 27/01/2021 của Chánh Thanh tra tỉnh Đắk Nông về thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng (PCTN); trách nhiệm quản lý đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông (sau đây gọi tắt là Công ty).

Xét Báo cáo kết quả của Đoàn thanh tra số 18; Báo cáo giải trình số 235/KTTL-QLDA ngày 11/6/2021, Văn bản giải trình số 332/GTr-DTKLTTr ngày 27/7/2021 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông;

Chánh Thanh tra tỉnh Đắk Nông kết luận thanh tra như sau:

### A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Đắk Nông là doanh nghiệp hoạt động công ích 100% vốn Nhà nước trực thuộc UBND tỉnh, thành lập theo Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 02/12/2010 của UBND tỉnh. Công ty có nhiệm vụ: quản lý, khai thác hiệu quả đa mục đích, bảo đảm an toàn các công trình thủy lợi nhằm phục vụ tốt nhất cho việc tưới, tiêu, cấp nước, cho các nhu cầu dân sinh kinh tế trên địa bàn tỉnh. Từ năm 2010 đến 2019, Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là quản lý, khai thác tổng hợp nguồn nước theo phương thức giao nhiệm vụ hay giao kế hoạch; từ năm 2020 hoạt động theo phương thức đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Tổng số cán bộ quản lý, công nhân viên, người lao động trong Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020 là 185 người. Tổ chức bộ máy theo Điều lệ Công ty gồm: Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, 02 Phó Giám đốc Công ty, 01 Kế toán Trưởng; 14 đơn vị trực thuộc: 04 phòng chức năng (Tổ chức Hành chính, Kế hoạch Tài chính, Quản lý công trình, Quản lý tưới tiêu), 01 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, 01 Xí nghiệp Xây dựng và Dịch vụ, 08 Chi nhánh tại 08 huyện, thành phố.

Tính đến cuối năm 2020, Công ty quản lý 209 công trình thủy lợi với tổng diện tích tưới tiêu, cấp nước trên địa bàn toàn tỉnh là hơn 45.700ha.

### B. KẾT QUẢ THANH TRA

#### I. Trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN

##### 1. Việc thực hiện các quy định về phòng ngừa tham nhũng:

##### 1.1. Việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch PCTN



*Handwritten signature*

Từ năm 2018 - 2020, Công ty không xây dựng kế hoạch thực hiện công tác PCTN hàng năm theo quy định; không có văn bản triển khai thi hành Luật PCTN 2018; không xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN giai đoạn 2019 - 2021.

Năm 2019, Công ty đã xây dựng Kế hoạch số 441/KH-KTTL ngày 02/10/2019 về đấu tranh phòng, chống “tham nhũng vặt”; công khai trên Trang điện tử <http://eoffice.daknongimc.vn>.

### **1.2. Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN**

Năm 2019, năm 2020 Công ty đã xây dựng 02 kế hoạch thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019 - 2021”<sup>1</sup>. Các kế hoạch này đã đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử <http://eoffice.daknongimc.vn>.

Theo báo cáo của Công ty thì đã thực hiện quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về PCTN đến cán bộ, công nhân viên và người lao động trong Công ty bằng các hình thức lồng ghép trong các cuộc họp giao ban định kỳ, sinh hoạt đảng<sup>2</sup>, đoàn thể, gửi văn bản qua hệ thống ioffice đến các Chi nhánh thuộc Công ty với 228 lượt cán bộ, đảng viên tham gia.

### **1.3. Việc công khai, minh bạch về tài chính, ngân sách Nhà nước, mua sắm công:**

Công ty đã thực hiện việc công khai trong hoạt động tài chính (quyết toán tài chính 6 tháng và hàng năm), công khai kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty.

Hàng năm, Công ty đã thành lập Ban Chỉ đạo kiểm kê tài sản cố định và công cụ, dụng cụ<sup>3</sup>; chưa xây dựng, ban hành, thực hiện quy chế quản lý, sử dụng tài sản cố định.

Từ năm 2018 - 2020, Công ty thực hiện mua sắm tài sản cố định phục vụ cho sản xuất kinh doanh với giá trị 1.276.961.478 đồng<sup>4</sup>. Trong thực hiện mua sắm không xây dựng kế hoạch, quyết định mua sắm tài sản, không xây dựng tiêu chuẩn, tính năng kỹ thuật, cấu tạo của từng loại tài sản cần mua sắm, chưa có ý kiến của Chủ tịch Công ty<sup>5</sup>; không đăng tải kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà thầu; không gửi yêu cầu mua sắm đến cho nhà cung cấp, không thành lập tổ khảo sát giá, không đánh giá kết quả khi xét giá của nhà cung cấp; không thương thảo ký kết hợp đồng; một số báo giá của nhà thầu cung cấp không ghi đủ ngày tháng<sup>6</sup>; việc sử dụng nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí và nguồn hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm dịch vụ

<sup>1</sup> Kế hoạch số 404/KH-KTTL ngày 11/9/2019; Kế hoạch số 11/KH-KTTL ngày 12/7/2020.

<sup>2</sup> Trong số họp BCH Đảng bộ Công ty ngày 04/10/2019 có triển khai Kế hoạch số 17-CV/ĐUK ngày 10/9/2019 của Đảng ủy Khối về đấu tranh “chống tham nhũng vặt” trong Đảng bộ Khối.

<sup>3</sup> Quyết định số 369/QĐ-KTTL ngày 24/12/2018; Quyết định số 492/QĐ-KTTL ngày 18/12/2019; Quyết định số 614/QĐ-KTTL ngày 11/12/2020 của Công ty TNHH MTV khai thác Công trình thủy lợi.

<sup>4</sup> Thiết bị Trạm bơm D12, máy bơm LT270-12, tủ điều khiển: 308.197.513đ; bộ máy bơm LT270-12 15KW, n=1450v/p: 99.994.400đ; tổng bơm HL 700-7 (1 cái): 38.060.000đ; tổng bơm HL 980-9 (1 cái): 56.056.000đ; máy biến áp 3P - 75kvq - 22/0.4 KV: 80.000.000đ; mua sắm, lắp đặt: HT Máy bơm TB Buôn Chol: 138.537.469đ; Máy bơm -TB Đắc Rền: 556.116.096đ.

<sup>5</sup> Bộ máy bơm LT270-12 động cơ 15KW, n=1450v/p; tổng bơm HL 700-7 (1 cái); tổng bơm HL 980-9 (1 cái); máy biến áp 3P - 75kvq - 22/0.4 KV; mua sắm, lắp đặt: HT Máy bơm TB Buôn Chol.

<sup>6</sup> Báo giá Công ty TNHH Minh Hưng BMT; báo giá Cty TNHH Cơ khí thủy lợi Quyết Thắng về việc báo giá mua sắm máy bơm - Hệ thống trạm bơm Đắc Rền.

*Handwritten signature*

công ích thủy lợi để đầu tư lắp đặt, mua sắm mới tài sản<sup>7</sup> không đúng mục đích sử dụng nguồn vốn (*chi tiết theo Phụ lục số I-1*).

#### **1.4. Công khai, minh bạch về xây dựng cơ bản và quản lý dự án đầu tư xây dựng:**

Trong thời kỳ 2018 - 2020, Công ty thực hiện đầu tư sửa chữa, nâng cấp 69 công trình, hạng mục công trình: 22/69 công trình đấu thầu rộng rãi với tổng giá trị được phê duyệt 118.947,19 triệu đồng (có 01 công trình giá gói thầu 21.700 triệu đồng); 47/69 công trình, hạng mục chỉ định thầu và tự thực hiện với tổng giá trị phê duyệt 20.534,07 triệu đồng.

- Công ty đã thông báo các quyết định phân bổ kế hoạch vốn đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật cho phòng, ban, đơn vị trực thuộc biết trên Hệ thống văn bản điện tử eoffice, ioffice theo điểm 1.3, Mục 1, Phần II Thông tư số 10 và điểm c, khoản 1 Điều 12 Luật PCTN 2005.

- Đã công khai (đăng tải trên Báo Đấu thầu, trang thông tin điện tử) về kế hoạch đấu thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện cơ bản phù hợp, đúng quy định theo Luật Đấu thầu và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu (*chi tiết theo Phụ lục số I-2a, I-2b*).

Tuy nhiên còn tồn tại, hạn chế là đăng tải chưa đầy đủ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia một số nội dung: kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà thầu một số gói thầu chỉ định thầu, tự thực hiện<sup>8</sup>; kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với những gói thầu đấu thầu rộng rãi<sup>9</sup>; đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia còn chậm thời gian quy định<sup>10</sup>.

- Đến thời điểm thanh tra, có 61/69 công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng (88,41%), 8/69 công trình chưa hoàn thành (11,59%); Công ty đã lập hồ sơ, thủ tục đề nghị thẩm tra, phê duyệt quyết toán 53/61 công trình đã hoàn thành bàn giao (86,88%), 8/61 công trình chưa lập hồ sơ đề nghị phê duyệt quyết toán (13,11%). Số công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán 10/44 công trình đã trình; một số công trình thời gian phê duyệt quyết toán còn chậm so với quy định<sup>11</sup>; có 5 công trình lập hồ sơ đề nghị quyết toán chậm thời hạn<sup>12</sup>; đối với 10 công trình đã được phê duyệt quyết toán, Công ty chưa thực hiện thủ tục công khai kết quả quyết toán vốn đầu tư hoàn thành (*chi tiết theo Phụ lục số I-2c*).

#### **1.5. Công khai, minh bạch trong hoạt động của Công ty**

##### **1.5.1. Công khai, minh bạch trong hoạt động doanh nghiệp:**

<sup>7</sup> Máy bơm tạm Hệ thống bơm Đắc Rền và Trạm bơm D12, xã Quảng Phú.

<sup>8</sup> Năm 2018 có 21/34; năm 2020 có 4/11.

<sup>9</sup> Năm 2018: có 4/6 không đăng tải qua hệ thống mạng đấu thầu, năm 2018: 2/6, năm 2019: 10/11.

<sup>10</sup> Đăng tải chậm 20/47 KH lựa chọn nhà thầu (2018: 13/34 công trình; 2019: 2/2 công trình; 2020: 5/11 công trình).

<sup>11</sup> Quyết toán công trình hoàn thành chậm 3 tháng 23 ngày đối với CTTL Hồ Núi Lửa, Xã Thuận An, huyện Đắc Mil (HM Đập đất, tràn xả lũ) Hồ Đắc Puer, Xã Thuận An, huyện Đắc Mil (HM Bê tông đường đĩnh đập); CTTL Sinh Muồng, Xã Thuận Hạnh, huyện Đắc Song (HM Đường đĩnh đập, đường vận hành CT); Quyết toán chậm 2 tháng 18 ngày đối với CTTL Hồ số 2, Hồ số 4; chậm 2 tháng 7 ngày đối với CTTL Hồ 1, Hồ Buồn Lang.

<sup>12</sup> (1) Sửa chữa các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Krông Nô (GD2) (HM: Nâng cao thành kênh); (2) Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất 2018 trên địa bàn huyện Krông Nô (GD1) (HM: Sửa chữa, nạo vét); (3) Sửa chữa, lắp đặt biển báo, biển cảnh báo, biển cấm các CTTL trên địa bàn tỉnh; (4) Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Đắc G'long (HM: Sửa chữa, nạo vét); (5) Sửa chữa, khắc phục tạm thời sạt lở công trình thủy lợi Thôn 2, Xã Đắc N'Drung, huyện Đắc Song (HM: Sửa chữa đập đất).

*Handwritten signature or mark.*

Công ty đã xây dựng Quy chế công bố thông tin; lập các báo cáo, phụ biểu về thông tin Doanh nghiệp để đăng tải trên Trang thông tin điện tử Công ty (<http://daknongimc.vn>) và gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (chưa gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định).

Trong các năm 2018, 2019, 2020 Công ty đã thực hiện công bố chiến lược phát triển của doanh nghiệp; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm (05) năm của doanh nghiệp; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm của doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử <http://daknongimc.vn>.

Công ty đã báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất tính đến năm báo cáo<sup>13</sup>; báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích; báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hàng năm<sup>14</sup>; báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp<sup>15</sup>; báo cáo tài chính 06 tháng và báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp<sup>16</sup>; báo cáo chế độ tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp<sup>17</sup>. Đến thời điểm thanh tra, Công ty chưa có biên bản quyết toán tài chính năm 2020, nên chưa công khai.

Công ty đã công khai các hoạt động: việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công nhân viên và người lao động; việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính, tài sản qua các hình thức: công bố tại cuộc họp; niêm yết tại trụ sở; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng tải trên trang thông tin điện tử.

Tuy nhiên, các chiến lược, kế hoạch, báo cáo nói trên Công ty chưa gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện công bố theo quy định.

*1.5.2. Việc xây dựng, tổ chức thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, việc quán triệt và thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp:*

- Năm 2018 - 2020, Chủ tịch, Giám đốc Công ty đã xây dựng, ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại Công ty<sup>18</sup>. Hàng năm, Giám đốc Công ty có phối hợp với tổ chức Công đoàn cơ sở Công ty trong việc xây dựng quy chế dân chủ, tổ chức Hội nghị người lao động.

- Công ty đã ban hành Nội quy ra vào Văn phòng, Trụ sở Công ty, Nội quy lao động<sup>19</sup>; trong đó có quy định quy tắc, thái độ ứng xử và tác phong làm việc của cán bộ, công nhân viên, người lao động trong Công ty.

<sup>13</sup> Báo cáo 172/BC-KTTL ngày 03/05/2018 đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất 03 năm 2015-2017; Báo cáo 101/BC-KTTL ngày 21/03/2019 đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất 03 năm 2016-2018; Báo cáo số 41/BC-KTTL, ngày 31/03/2020 đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất 03 năm gần nhất 2017-2019.

<sup>14</sup> Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp đổi mới doanh nghiệp 2018 ngày 21/3/2019; năm 2019 ngày 31/3/2020.

<sup>15</sup> Báo cáo 170/BC-KTTL ngày 03/05/2018 về thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp 2017; Báo cáo 102/BC-KTTL ngày 21/03/2019 về thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp 2018; Báo cáo 42/BC-KTTL ngày 31/03/2020 về thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp 2019.

<sup>16</sup> Báo cáo tài chính niên độ 6 tháng năm 2018, 2019, 2020 và Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12 hằng năm (2017, 2018, 2019) đã được kiểm toán.

<sup>17</sup> Báo cáo 102/BC-KTTL ngày 22/03/2018 về chế độ tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp; Báo cáo số 163/BC-KTTL ngày 21/03/2019 về chế độ tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp; Báo cáo 39/BC-KTTL ngày 31/03/2020 về chế độ tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

<sup>18</sup> Quyết định 96/QĐ-KTTL ngày 14/3/2018 (của Chủ tịch); Quyết định 260/QĐ-KTTL ngày 04/7/2019, Quyết định 245/QĐ-KTTL ngày 24/8/2020 (của Giám đốc) ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

<sup>19</sup> Theo Quyết định số 92/QĐ-KTTL ngày 14/3/2018 của Chủ tịch Công ty; Quyết định số 93/QĐ-KTTL ngày 14/3/2018 của Chủ tịch Công ty; Quyết định số 246/QĐ-KTTL ngày 14/3/2018 của Giám đốc Công ty; Quyết định số 247/QĐ-KTTL ngày 14/3/2018 của Giám đốc Công ty.

*Nguyễn Văn Tuấn*

**1.5.3. Việc thực hiện cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Công ty:**

Công ty đã ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành: Hệ thống văn bản ioffice, mạng Lan để tiếp nhận, xử lý văn bản đến, đi và công việc nội bộ. Hiện Công ty vẫn đang còn sử dụng hình thức ký văn bản giấy, chưa thực hiện ký số điện tử; chưa áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong quản lý hoạt động của Công ty.

## **1.6. Công khai, minh bạch trong công tác tổ chức cán bộ:**

### **1.6.1. Công khai việc tuyển dụng lao động:**

Công ty đã xây dựng Quy chế tuyển dụng lao động. Trong thời kỳ 2018 - 2020 đã thực hiện tuyển dụng 47 lao động (năm 2018: 16, năm 2019: 24, năm 2020: 07). Người lao động đã tuyển dụng được ký hợp đồng lao động sau khi kết thúc thời gian thử việc.

- Năm 2018: Công ty không có kế hoạch, không có thông báo tuyển dụng lao động; căn cứ vào Quy chế tuyển dụng lập các tờ trình bố trí nhân sự xin ý kiến của Chủ tịch Công ty trước khi tuyển dụng lao động; không thành lập Hội đồng tuyển dụng; không có biên bản họp xét và thông báo kết quả tuyển dụng.

- Năm 2019: Công ty có xây dựng các kế hoạch điều chuyển, tuyển dụng lao động<sup>20</sup>, công khai trên trang điện tử của Công ty; không có thông báo tuyển dụng; không thành lập Hội đồng tuyển dụng; không có biên bản họp xét và thông báo kết quả tuyển dụng.

- Năm 2020: Công ty không xây dựng kế hoạch tuyển dụng; căn cứ vào Quy chế tuyển dụng lập các tờ trình bố trí nhân sự trình xin ý kiến của Chủ tịch Công ty; có thông báo tuyển dụng<sup>21</sup>; Công ty thành lập Hội đồng tuyển dụng theo Quyết định số 546/QĐ-KTTL ngày 12/11/2020; có biên bản họp xét tuyển lao động (biên bản ngày 20/11/2020); thông báo tuyển dụng, kết quả tuyển dụng công khai hình thức niêm yết tại trụ sở Công ty và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Kết quả tuyển dụng về số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện người trúng tuyển cơ bản đạt yêu cầu của thông báo tuyển dụng.

### **1.6.2. Công khai việc quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động... đối với người quản lý doanh nghiệp, người lao động:**

- Quy hoạch cán bộ: Năm 2019, Công ty đã thực hiện rà soát, quy hoạch bổ sung cán bộ lãnh đạo chủ chốt giai đoạn 2015 - 2020. Năm 2020 thực hiện quy hoạch bổ sung các chức danh cán bộ chủ chốt giai đoạn 2015 - 2020, quy hoạch chức danh Phó Giám đốc, Kế toán trưởng giai đoạn 2021 - 2026, quy hoạch điều chỉnh, bổ sung các chức danh cán bộ chủ chốt giai đoạn 2021 - 2026; Chủ tịch Công ty đã phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo theo thẩm quyền<sup>22</sup>; trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch bổ sung chức danh Kiểm soát viên giai đoạn 2015 - 2020, chức danh Giám đốc Công ty giai đoạn 2021 - 2026<sup>23</sup>. Các quyết định phê duyệt

<sup>20</sup> Kế hoạch 134/KH-KTTL, Kế hoạch 140/KH-KTTL ngày 14/3/2019, Kế hoạch 378/KH-KTTL ngày 28/8/2019, Kế hoạch 464/KH-KTTL ngày 12/10/2019.

<sup>21</sup> Thông báo số 73/TB-KTTL ngày 19/10/2020, Thông báo số 83/TB-KTTL ngày 11/11/2020.

<sup>22</sup> Tại Quyết định 289/QĐ-KTTL ngày 23/8/2019, Quyết định 59/QĐ-KTTL ngày 31/3/2020, Quyết định 60/QĐ-KTTL ngày 31/3/2020.

<sup>23</sup> Tại Quyết định 473/QĐ-UBND ngày 07/4/2020, Quyết định 1409/QĐ-UBND ngày 21/9/2020.

*Handwritten signature*

quy hoạch cán bộ được công khai trên Hệ thống văn bản điện tử Công ty <http://eoffice.daknonggimc.vn>. Thủ tục quy hoạch thực hiện đúng quy trình; hồ sơ (biên bản, phiếu tín nhiệm...) đúng, đủ theo quy định tại Hướng dẫn số 19-HD/BTC ngày 14/6/2016 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đắk Nông về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý theo tinh thần Nghị quyết 42-NQ/TW ngày 30/11/2004 của Bộ chính trị Khóa IX; Hướng dẫn số 15-HD/BTCTW ngày 05/11/2012 của Ban Tổ chức Trung ương về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại người quản lý doanh nghiệp:

Trong thời kỳ 2018 - 2020, Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm 02 người quản lý doanh nghiệp là Chủ tịch, Kiểm soát viên Công ty. Chủ tịch Công ty bổ nhiệm 03 người quản lý doanh nghiệp: bổ nhiệm Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Thừa Anh; bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty đối với ông Trần Văn Chạy; bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty đối với bà Bùi Thị Loan. Giám đốc Công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 05 trường hợp: bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh huyện Đắk Glong đối với ông Vũ Xuân Chính, Giám đốc Chi nhánh Gia Nghĩa đối với ông Mai Văn Tú, Phó Trưởng phòng Quản lý tưới tiêu đối với ông Nguyễn Văn Đại; bổ nhiệm lại Giám đốc Chi nhánh huyện Đắk Song đối với ông Nguyễn Văn Truyền, Trưởng phòng Tổ chức hành chính đối với bà Nguyễn Thị Tĩnh.

Năm 2018 - 2019 Công ty chưa ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại người quản lý doanh nghiệp, việc bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều lệ hoạt động Công ty, các quy định của UBND tỉnh, Tỉnh ủy. Đến năm 2020, căn cứ Quy định tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, từ chức, miễn nhiệm thôi giữ chức vụ đối với các chức danh cán bộ ban hành theo Quyết định số 435/QĐ-KTTL ngày 23/9/2020 của Chủ tịch Công ty để thực hiện.

Về trình tự, thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty thực hiện đúng theo Quy định số 11-QĐ/TU ngày 17/10/2018 của Tỉnh ủy quy định về bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Giám đốc các Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ban hành theo Quyết định số 1639/QĐ-UBND của UBND tỉnh và Điều lệ hoạt động của Công ty.

Việc bổ nhiệm chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty có quy hoạch được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt; đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo định hướng khung tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo, quản lý không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý quy định tại Quy định số 07-QĐ/TU ngày 12/6/2018, Quy định 17-QĐ/TU ngày 02/7/2019 của Tỉnh ủy Đắk Nông; quy trình, hồ sơ bổ nhiệm thực hiện đầy đủ các bước theo quy định.

Riêng việc bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty, quy trình lấy ý kiến tín nhiệm nhân sự dự kiến bổ nhiệm chức danh thực hiện theo đúng quy định; sau khi hoàn thành quy trình lấy ý kiến tín nhiệm nhân sự vào ngày 22/7/2020, Công ty đã có Công văn số 34/KTTL-CT ngày 22/7/2020 đề nghị Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh cho ý kiến để thực hiện bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty; Sở Nội vụ có Công văn số 1084/SNV-TCCVC ngày 23/7/2020 có ý kiến: chức danh Phó Giám đốc Công ty thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của Chủ tịch Công ty, đề nghị Công

*uyy*

ty căn cứ vào các quy định hiện hành để thực hiện quy trình bổ nhiệm Phó Giám đốc; đến ngày 06/8/2020, Chủ tịch Công ty ban hành quyết định bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty đối với ông Trần Văn Chạy<sup>24</sup>. Trong thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi<sup>25</sup> còn chưa có văn bản ý kiến của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh theo mục 2.2, khoản 2, Điều 10 Quy định số 18-QĐi/TU ngày 27/8/2019 của Tỉnh ủy Đắk Nông về phân cấp quản lý cán bộ: "... *Phụ lục I... III- Chức danh cán bộ được Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh quản lý, xem xét cho ý kiến hoặc quyết định: Kiểm soát viên, giám đốc, phó giám đốc các công ty TNHH MTV, Công ty cổ phần có vốn Nhà nước chi phối được xếp hạng I và II...*"; chưa có văn bản ý kiến thống nhất của chủ sở hữu (là UBND tỉnh) hoặc cơ quan cấp trên theo phân cấp hiện hành của tỉnh (là Ban cán sự Đảng UBND tỉnh) quy định tại khoản 1, Điều 24 Điều lệ hoạt động Công ty ban hành theo Quyết định số 1954/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh: "*Chủ tịch Công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc Công ty sau khi có ý kiến thống nhất của chủ sở hữu hoặc cơ quan cấp trên theo phân cấp hiện hành của tỉnh Đắk Nông*"; không đúng khoản 5, Điều 2 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ban hành theo Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh: "*Trách nhiệm của Chủ tịch, Giám đốc Công ty: 5. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của... Điều lệ Công ty*".

- Đào tạo, bồi dưỡng: Trong thời kỳ 2018 - 2020, Công ty không xây dựng kế hoạch, đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng. Hàng năm Công ty căn cứ vào công văn, thông báo tuyển sinh của các trường, trung tâm đào tạo và nhu cầu của Công ty để cử người quản lý doanh nghiệp đi đào tạo, bồi dưỡng. Công ty đã cử 39 lượt người quản lý tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, lý luận chính trị, 48 lượt người quản lý doanh nghiệp, công nhân viên tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ, huấn luyện PCCC. Các trường hợp được cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, lý luận chính trị thuộc diện quy hoạch và đang giữ chức vụ quản lý trong Công ty; các quyết định cử đi đào tạo bồi dưỡng được công khai trên Hệ thống văn bản điện tử Công ty <http://eoffice.daknonggimc.vn>.

### **1.7. Việc chuyển đổi vị trí công tác**

Thời kỳ 2018 - 2020, Công ty không xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của người quản lý doanh nghiệp; hàng năm căn cứ vào biên bản cuộc họp của Ban Giám đốc về công tác nhân sự để điều chuyển công tác đối với người lao động của Công ty; từ năm 2018 - 2020, Công ty đã thực hiện điều chuyển vị trí công tác đối với 49 trường hợp (năm 2018: 16 trường hợp, năm 2019: 16 trường hợp, năm 2020: 17 trường hợp).

### **1.8. Việc thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập**

Năm 2018 Công ty có Quyết định số 273/QĐ-KTTL ngày 21/11/2018 phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập với số lượng 28 người; năm 2019 không thực hiện kê khai (do chờ Nghị định hướng dẫn); năm 2020 Công

<sup>24</sup> Theo Quyết định số 39/QĐ-KTTL ngày 06/8/2020 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL.

<sup>25</sup> Được công nhận là doanh nghiệp hạng II theo Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 30/6/2017, Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông.

*alym*

ty có Quyết định số 29/QĐ-KTTL ngày 14/01/2021 về phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập năm 2020 với số lượng 39 người; đã tổ chức kê khai xong trước 31/12 hàng năm. Việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập, Công ty có thông báo niêm yết các bản kê khai năm 2018, năm 2020 tại trụ sở Công ty. Tuy nhiên, một số bản kê khai thiếu chữ ký từng trang của người kê khai; một số bản kê khai kê khai không đầy đủ tài sản (kê khai nhà ở nhưng không kê khai đất làm nhà ở, nhà, đất không khai đầy đủ về quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, giải trình không đầy đủ về tài sản biến động tăng thêm).

### **1.9. Việc xây dựng, thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn**

#### **1.9.1. Việc xây dựng các quy định thuộc thẩm quyền của Công ty:**

- Trong thời kỳ 2018 - 2020, Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn của Công ty: ban hành Quy chế hoạt động công ty<sup>26</sup>; ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm<sup>27</sup>; năm 2020 ban hành Quy chế quản lý tài chính<sup>28</sup>. Việc xây dựng, ban hành các Quy chế đã công khai, lấy ý kiến của cán bộ, công nhân viên, người lao động trong Công ty thông qua các cuộc họp Công ty trước khi ban hành.

- Chủ tịch Công ty đã xây dựng, ban hành Quy định tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, từ chức, miễn nhiệm cán bộ của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắc Nông theo Quyết định số 435/QĐ-KTTL ngày 23/9/2020.

#### **1.9.2. Việc chấp hành, thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn:**

- Một số nội dung trong các quy chế Công ty đã ban hành còn chưa phù hợp với quy định, chế độ của Nhà nước, của cơ quan có thẩm quyền cấp trên:

+ Quy chế Chi tiêu nội bộ quy định khoản chi cho các đoàn kiểm tra, làm việc trên công trình thủy lợi với mức chi 200.000 đồng/người/ngày không có trong quy định hiện hành; quy định chi tiền thuê phòng ngủ cho người quản lý doanh nghiệp đi công tác tại các quận, thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh theo hóa đơn thực tế với mức 1.000.000 đồng/ngày/phòng và khu vực còn lại mức 700.000 đồng/ngày/phòng là cao hơn mức quy định.

+ Thủ tục thanh toán tiền làm thêm giờ trong Quy chế Chi tiêu nội bộ chưa quy định cụ thể việc chấp thuận, đồng ý làm thêm giờ của người lao động hoặc thỏa thuận làm thêm giờ của người lao động với người sử dụng lao động; chưa quy định cụ thể đối tượng đại biểu hội nghị là khách mời không trong danh sách trả lương của Công ty mới được hỗ trợ tiền ăn, dẫn đến thanh toán tiền ăn hội nghị<sup>29</sup> cả đại biểu hội nghị có trong danh sách trả lương của Công ty là không đúng quy định.

+ Tại khoản 1, Điều 14 Quy định tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, từ chức, miễn nhiệm cán bộ của Công ty, quy định Chủ tịch công ty quyết định chủ trương bổ nhiệm đối với chức danh Phó Giám đốc Công ty là không phù hợp thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

<sup>26</sup> Quyết định 94/QĐ-KTTL ngày 14/3/2018 ban hành Quy chế hoạt động; Quyết định số 301/QĐ-KTTL ngày 09/9/2020 ban hành Quy chế hoạt động tại Công ty TNHH MTV Khai Thác CTTL Đắc Nông.

<sup>27</sup> Quyết định 08a/QĐ-KTTL ngày 22/01/2018; Quyết định 217/QĐ-KTTL ngày 17/06/2019; Quyết định 244/QĐ-KTTL ngày 13/8/2020 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Công ty TNHH MTV Khai Thác CTTL Đắc Nông.

<sup>28</sup> Quyết định số 215/QĐ-KTTL ngày 03/8/2020 ban hành Quy chế quản lý tài chính.

<sup>29</sup> Chứng từ chi số PC85 ngày 21/12/2018; PC03 ngày 04/01/2019; PC34/2020 ngày 23/05/2020.

*ally*



- Năm 2019, chỉ tham quan học tập kinh nghiệm cho cán bộ, công nhân viên theo quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng nguồn quỹ phúc lợi, nhưng thực tế Công ty hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền 205.700.000 đồng.

- Một số số liệu trong Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm được duyệt<sup>30</sup> so với hồ sơ chứng từ thanh toán của Công ty còn bất cập, chưa khớp với nhau: khi số liệu trong Báo cáo tài chính về số dư năm sau có thay đổi so với Báo cáo tài chính năm trước, khi thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính năm hiện tại (năm báo cáo) Công ty chưa thuyết minh đầy đủ về số liệu thay đổi theo quy định.

- Việc sửa chữa cấp bách Công trình Hồ số 3 xã Đắc Ngo và Công trình Hồ Đắc Huýt xã Quảng Trục được UBND tỉnh đồng ý chủ trương đầu tư sửa chữa cấp bách tại Công văn số 4963/UBND-NN ngày 05/10/2018, với nguồn vốn đầu tư là nguồn Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của Công ty và các nguồn huy động hợp pháp khác. Năm 2019, Công ty đã chi thanh toán cho 02 công trình 2,237 tỷ đồng từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định; năm 2020, hạch toán chi thanh toán sửa chữa 02 công trình 4,538 tỷ đồng từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đúng nguồn vốn theo chủ trương đầu tư, tuy nhiên Công ty chi thanh toán chi phí sửa chữa lớn 02 công trình trong năm 2020 khi chưa có kế hoạch kinh phí sửa chữa lớn tài sản cố định để báo cáo, trình UBND tỉnh phê duyệt thực hiện<sup>31</sup>.

## **2. Việc thực hiện các quy định về phát hiện, xử lý tham nhũng**

Trong thời kỳ năm 2018 - 2020, Công ty không nhận được tin báo, tố cáo về hành vi tham nhũng trong Công ty; Công ty không có xử lý vụ việc tham nhũng nên không có xử lý trách nhiệm người đứng đầu đơn vị khi để xảy ra tham nhũng.

## **3. Việc thực hiện trách nhiệm giải trình trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cơ quan, đơn vị**

Công ty đã ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí<sup>32</sup>; tuy nhiên chưa quy định việc thực hiện trách nhiệm giải trình trong nội quy, quy chế làm việc của Công ty.

Theo báo cáo của Công ty, trong 3 năm 2018 - 2020 Công ty không nhận được các ý kiến, kiến nghị của các cơ quan, doanh nghiệp, người dân liên quan đến trách nhiệm giải trình của Công ty trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

## **II. Trách nhiệm quản lý đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi**

### **1. Việc thực hiện các quy định về quản lý đầu tư xây dựng**

#### **1.1. Việc phân công, ủy quyền trong hoạt động quản lý đầu tư xây dựng:**

<sup>30</sup> Quyết định 1213/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của UBND tỉnh phê duyệt quyết toán chi phí 2018 của Công ty; Quyết định 740/QĐ-UBND ngày 18/05/2020 của UBND tỉnh phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và chi phí 2019 của Công ty.

<sup>31</sup> Chủ tịch Công ty đã có Tờ trình số 125/TTr-KTTL ngày 14/10/2020 gửi UBND tỉnh đề nghị cho chủ trương sử dụng nguồn thu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi 2020 (kinh phí bảo trì), sửa chữa cấp bách 02 công trình để trả nợ nhà thầu; liên ngành (NNPTNT, Tài chính, KHĐT) đã họp ngày 30/10/2020, cơ bản thống nhất đề xuất của Công ty, đề nghị Công ty hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tài chính xem xét; Công ty đã có Văn bản số 345/KTTL-KHTC ngày 02/11/2020 gửi Sở Tài chính, xem xét tham mưu UBND tỉnh cho phép Công ty chủ động cân đối nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi 2020 để chi trả kinh phí sửa chữa cấp bách 02 công trình.

<sup>32</sup> Theo Quyết định số 38/QĐ-KTTL ngày 31/7/2020 của Chủ tịch Công ty.



*Handwritten signature in blue ink.*

Chủ tịch Công ty quyết định ủy quyền<sup>33</sup> Giám đốc Công ty ký đối với nội dung liên quan đến dự án đầu tư (đề cương, lập dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, trình thẩm tra, thẩm định, phê duyệt), phê duyệt kết quả đấu thầu là *phù hợp* với quy định tại khoản 7, Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Giám đốc các Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ban hành theo Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh và điểm a, khoản 2, Điều 17 Điều lệ hoạt động Công ty.

Đối với việc ủy quyền Giám đốc ký hợp đồng xây dựng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán là *không phù hợp* với quy định tại khoản 7, Điều 3 và điểm d, khoản 2, Điều 4 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Giám đốc các Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ban hành theo Quyết định số 1639/QĐ-UBND của UBND tỉnh: "*Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Công ty: ...7. Quyết định hoặc ủy quyền Giám đốc quyết định dự án đầu tư, hợp đồng vay, mua, bán tài sản trong phạm vi thẩm quyền được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật*"; "*Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Công ty: ...d) Ký hợp đồng, thỏa thuận nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty*"; khoản 4, Điều 19 Điều lệ hoạt động Công ty: "*Giám đốc có nhiệm vụ điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Công ty về thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình và có các quyền và nghĩa vụ sau đây: ... Ký hợp đồng, thỏa thuận nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty*"; khoản 4, Điều 3 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước: "*4. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan*"; điểm d, khoản 3 Điều 44 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp: "*3. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định về các nội dung sau đây: ...d) Quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc hoặc Giám đốc quyết định phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền*".

## 1.2. Tình hình thực hiện quản lý đầu tư xây dựng:

Trong thời kỳ 2018 - 2020, Công ty thực hiện đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp 69 công trình, hạng mục công trình với tổng mức đầu tư là 139,48 tỷ đồng, trong đó chi phí xây lắp là 116,27 tỷ đồng, chi phí khác với giá trị là 23,21 tỷ đồng; trong đó 10/69 công trình, hạng mục đã thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành (*chi tiết theo Phụ lục II-1, II-2*).

Trong 69 công trình, hạng mục có 21 công trình lựa chọn nhà thầu thi công qua hình thức đấu thầu; tổng giá gói thầu là 99,071 tỷ đồng, giá trúng thầu là 98,609 tỷ đồng, giá trúng thầu giảm 0,47% so với giá gói thầu (2018: 0,43%; 2019: 0,47%; 2020: 0,49%) (*chi tiết theo Phụ lục II-3*).

Trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa đột xuất, sửa chữa định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng các công trình thủy lợi năm 2018 - 2020 thực hiện cơ bản đảm bảo các bước theo quy định: lập danh mục công trình và phân bổ kinh phí

<sup>33</sup> Quyết định số 305/QĐ-KTTL ngày 10/9/2020 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV KTCTTL.

*Handwritten signature*

nhằm khắc phục hậu quả hạn hán<sup>34</sup>; lập các biên bản kiểm tra hiện trạng đến từng công trình thủy lợi do Công ty quản lý<sup>35</sup>; báo cáo kết quả kiểm tra<sup>36</sup>; đánh giá hiện trạng công trình, máy móc, thiết bị; đề xuất, kiến nghị<sup>37</sup>. Hồ sơ quản lý đầu tư xây dựng thực hiện cơ bản đúng theo quy định.

Các công trình đập, hồ chứa thủy lợi đã bàn giao cho Công ty quản lý đều chưa lập Quy trình bảo trì theo quy định; đến cuối năm 2020 Công ty chưa xây dựng Quy trình bảo trì các công trình thủy lợi lớn, đập, hồ chứa thủy lợi. Công ty không lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất để thực hiện các nội dung bảo trì công trình.

## **2. Việc chấp hành chế độ, định mức, tiêu chuẩn, quy định trong quản lý đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình, hạng mục**

Các công trình Công ty thực hiện, làm chủ đầu tư đều là loại công trình sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi nhằm để phục vụ nước tưới tiêu (các công việc chủ yếu là sửa chữa đường đê đập, mái đập, tràn xả lũ, kênh tưới; nạo vét bùn lòng hồ, kênh mương, nâng cao thành kênh...). Thanh tra tỉnh thanh tra 35 công trình, hạng mục<sup>38</sup> với tổng giá trị nghiệm thu thanh toán, nghị quyết toán là 85,720 tỷ đồng, trong đó: chi phí xây lắp 74,750 tỷ đồng; chi phí khác 10,970 tỷ đồng (*chi tiết theo Phụ lục II-4*).

### *2.1. Việc lập, thẩm định phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán:*

- Hồ sơ dự toán 07 công trình, hạng mục tính sai khối lượng, sai định mức, lập không đúng hiện trạng hạng mục công trình với giá trị 148,565 triệu đồng.

- Đa số hồ sơ dự toán áp dụng nguyên Mã định mức AF.82111 - Ván khuôn tường, cột vuông, xà dầm, giằng có chiều cao  $\leq 16m$  (Bộ định mức 1776) cho công tác ván khuôn thành kênh mương chữ nhật có chiều cao thành kênh từ 0,6m - 1,2m mà không vận dụng có điều chỉnh (giảm hao phí máy vận thăng, giảm số lượng cây gỗ chống) là chưa hợp lý. Tuy nhiên, vấn đề này Sở Xây dựng đã có ý kiến xử lý tại Công văn số 1406/SXD-TTr ngày 26/10/2016, Công văn số 1412/SXD-TTr ngày 28/9/2017.

*(Chi tiết theo Phụ lục số II.5).*

### *2.2. Việc thi công, nghiệm thu khối lượng, thanh quyết toán công trình:*

(Không kiểm tra thực tế thi công Công trình Hồ Đắc Huýt xã Quảng Trục).

Nhìn chung, các công trình, hạng mục được thi công cơ bản đúng theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt; một số nội dung điều chỉnh, thay đổi so với thiết kế đã

<sup>34</sup> Công văn số 39/KTTL ngày 29/10/2018 của Công ty về danh mục công trình và phân bổ kinh phí nhằm khắc phục hậu quả hạn hán vụ đông xuân 2017-2018;

<sup>35</sup> Biên bản ngày 23/11/2017 về kiểm tra hiện trạng hệ thống kênh tưới, cửa vào công lấy nước và thiết bị vận hành các công trình thủy lợi bị bồi lấp, hư hỏng cần phải khắc phục nạo vét, sửa chữa để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

<sup>36</sup> Báo cáo số 1024/BC-SNN, ngày 18/05/2018 của Sở NNPTNT về kết quả kiểm tra, đánh giá hiện trạng các công trình thủy lợi có nguy cơ mất an toàn trước mùa mưa lũ năm 2018.

<sup>37</sup> Công văn 24/KTTL ngày 11/7/2018 của Cty và Tờ trình 128/TTr-SNN ngày 17/7/2018, Tờ trình 117/TTr-SNN ngày 21/7/2020 của Sở NNPTNT xin chủ trương sửa chữa cấp bách các công trình thủy lợi; Tờ trình 85/TTr-SNN ngày 28/5/2020 của Sở NNPTNT xin chủ trương sửa chữa thường xuyên các công trình thủy lợi đợt 1 năm 2020; Công văn 4963/UBND-NN ngày 05/10/2018 về chủ trương sửa chữa cấp bách các công trình thủy lợi do Cty TNHH MTV KTCTTL quản lý; Công văn 3937/UBND-NN ngày 04/08/2020 về chủ trương sửa chữa cấp bách các công trình thủy lợi thực hiện theo Nghị quyết 11/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh; Công văn 2767/UBND-KTN ngày 05/06/2020 về chủ trương sửa chữa thường xuyên các công trình thủy lợi đợt 1 năm 2020.

<sup>38</sup> Nguồn thủy lợi phí: 19 công trình; Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước: 13 công trình có (Nguồn NS chống hạn 06; Nguồn NSTW 03; Nguồn NS tỉnh 03); Phối hợp cả 02 nguồn vốn NS và nguồn thủy lợi phí: 03 công trình.

*allg*

được thực hiện thủ tục điều chỉnh; tuy nhiên còn xảy ra các hạn chế, bất cập, khuyết điểm sau:

- 25 công trình có một hoặc một số hạng mục công tác thi công không đúng khối lượng theo thiết kế - dự toán (lớp vật liệu làm tầng lọc thiết bị thoát nước; thép khoan neo thành kênh; cốt thép thành kênh; bê tông mặt đường vận hành...) với giá trị là 837,558 triệu đồng.

- 02 công trình<sup>39</sup> thực tế thi công có tận dụng một phần vật liệu đá học cũ (có tháo dỡ, làm sạch vữa, vận chuyển...) để làm một phần vật liệu thi công lát mái đập, thiết bị thoát nước, nhưng các đơn vị liên quan không lập biên bản xử lý hiện trường, điều chỉnh biện pháp để làm cơ sở nghiệm thu, tính toán lại khối lượng thực tế thi công mà thực hiện nghiệm thu thanh toán theo như hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt ban đầu, với giá trị đã nghiệm thu không đúng theo biện pháp thi công thực tế là 125,950 triệu đồng.

- Hồ sơ thiết kế 20 công trình không xác định cụ thể vị trí bãi thải để làm cơ sở lập dự toán cự ly vận chuyển đất, phế thải đổ đi<sup>40</sup>; hồ sơ, tài liệu nghiệm thu công tác vận chuyển đất, phế thải đổ đi một số công trình thiết lập chưa đầy đủ, chưa đảm bảo cơ sở để xác định đúng cự ly, khoảng cách vận chuyển, với giá trị nghiệm thu chưa đảm bảo cơ sở là 1.423,050 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số II-5).

- Tại thời điểm kiểm tra tháng 4/2021, 01 công trình có cửa van nước bị hỏng<sup>41</sup> (do bị phá); 03 công trình có một số vị trí thành kênh bị vỡ<sup>42</sup> (do thi công đường, do máy cày người dân chạy ngang); 01 máy bơm bị hỏng<sup>43</sup>; 02 công trình có lớp mặt bê tông bị bong tróc<sup>44</sup>.

### **3. Về việc chấp hành quy định, định mức trong thanh toán, quyết toán chi phí đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các hạng mục công trình do Công ty tự thực hiện**

- Công ty giao khoán nội bộ cho Xí nghiệp Xây dựng dịch vụ thi công công trình với giá trị gồm giá dự toán và phần thuế GTGT 10% 532.474.451 đồng, Công ty hạch toán cả giá trị thuế GTGT này vào doanh thu, chi phí để xác định lợi nhuận của Công ty là không đúng, do các công trình sửa chữa, nạo vét phục vụ sản xuất nông nghiệp không phải chịu thuế GTGT.

- Về chứng từ chi phí thanh toán 25 hạng mục công trình năm 2018 - 2019 do Công ty tự thực hiện (giao nội bộ cho Xí nghiệp Xây dựng công trình thi công):

+ Xí nghiệp tập hợp hồ sơ, chứng từ chi phí nhân công còn thiếu khối lượng so với khối lượng chi phí nhân công trực tiếp theo hồ sơ thiết kế - dự toán được duyệt, dẫn đến không đảm bảo thực hiện khối lượng thi công hạng mục công trình

<sup>39</sup> Hồ số 2, xã Đắc Ngo, huyện Tuy Đức (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước); Hồ số 4, xã Đắc Ngo, huyện Tuy Đức (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước).

<sup>40</sup> Cty CP TV ĐTXD Tài nguyên nước SHT: 15 công trình; Cty TNHH MTV An Hưng Bình: 01 công trình; Cty TNHH MTV Cường Vương Đắc Nông: 01 công trình; Cty TNHH XD TMDV Gia Luận: 03 công trình.

<sup>41</sup> Công trình: Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Cư Jút.

<sup>42</sup> Công trình: Sửa chữa, nạo vét các CTTL phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Krông Nô (GD1); Sửa chữa các CTTL phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Krông Nô (GD2); Trạm bơm số 05-Hệ thống trạm bơm Đắc Rền, xã Năm N'Đir, Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa, nâng cao thành kênh N5-2).

<sup>43</sup> Trạm bơm D12, xã Quảng Phú, Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa, thay thế hệ thống máy bơm).

<sup>44</sup> Đáy tràn xả lũ Công trình thủy lợi Đắc Glun 1; mặt đường bê tông đĩnh đập Công trình Hồ núi lửa (HM: Đập đất, tràn xả lũ).

*Handwritten signature*

với giá trị 672.409.153 đồng; khi thanh quyết toán chi phí xây dựng các công trình Công ty kiểm soát hồ sơ, chứng từ còn chưa chặt chẽ, chi phí này thực hiện từ nguồn thủy lợi phí, đã tập hợp, hạch toán để xác định lợi nhuận của Công ty năm 2018, năm 2019.

+ Xí nghiệp thực hiện theo dõi, xuất, nhập, tồn kho, chứng từ phân bổ vật tư, vật liệu, hàng hóa, phân bổ chi phí vận chuyển cho công trình chưa đầy đủ, chưa đảm bảo hợp lý, hợp lệ với giá trị chi phí 248.216.447 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số II-6).

## **C. KẾT LUẬN**

### **I. Ưu điểm**

#### **1. Trách nhiệm thực hiện pháp luật PCTN**

Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi đã xây dựng Quy chế công bố thông tin của Công ty; Công ty đã tổ chức thực hiện tương đối đầy đủ, đúng quy định về công bố các thông tin, báo cáo về chiến lược, kế hoạch, hoạt động của doanh nghiệp (về phát triển, đổi mới doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh, tài chính, tiền lương...) theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật PCTN 2012; Điều 10 Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước; Điều 39, Điều 40 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính doanh nghiệp nhà nước.

Đã ban hành và triển khai thực hiện các nội quy nội bộ, trong đó có quy định quy tắc, thái độ ứng xử và tác phong làm việc của cán bộ, công nhân viên, người lao động. Tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2018, năm 2020 đúng, đủ đối tượng, thủ tục thực hiện kê khai, công khai cơ bản đúng quy định.

#### **2. Trách nhiệm quản lý đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi**

Công ty đã quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư nâng cấp, sửa chữa các công trình đúng theo các quyết định phân bổ kế hoạch vốn của UBND tỉnh, quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật của cơ quan có thẩm quyền; từ các nguồn vốn trong thời kỳ 2018 - 2020, Công ty đã tập trung thực hiện đầu tư cải tạo, nâng cấp, sửa chữa 69 công trình, hạng mục công trình hư hỏng, xuống cấp để nâng cao hệ số an toàn hồ đập, bảo đảm nguồn nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa công trình cơ bản đúng quy định; hồ sơ quản lý đầu tư xây dựng thực hiện cơ bản đúng theo quy định pháp luật đấu thầu, Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015, Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

### **II. Hạn chế, khuyết điểm**

#### **1. Trách nhiệm thực hiện pháp luật PCTN**

1.1. Trong thời kỳ 2018 - 2020, Công ty còn chưa quan tâm, chưa xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện công tác PCTN hàng năm tại Công ty theo các kế

*Handwritten signature*

hoạch công tác PCTN của UBND tỉnh<sup>45</sup>, kế hoạch thực hiện Đề án, kế hoạch của UBND tỉnh, Tỉnh ủy, Trung ương liên quan đến công tác PCTN; Công ty không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo công tác PCTN theo quy định tại khoản 1, Điều 16 Luật PCTN 2018, Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và PCTN trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. *Khuyết điểm trên trách nhiệm thuộc về người đứng đầu là ông Hoàng Trung Thơ - Chủ tịch Công ty thời kỳ 2018 - 10/2019, ông Lê Viết Thuận - Chủ tịch Công ty thời kỳ 11/2019-2020.*

1.2. Việc công khai, minh bạch, chấp hành các quy định trong mua sắm, quản lý tài sản:

- Công ty chưa xây dựng, ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản cố định theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 25 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; không thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo điểm b, khoản 1, Điều 9 Nghị định 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

*Các hạn chế trên trách nhiệm lãnh đạo, quản lý thuộc về ông Hoàng Trung Thơ - Chủ tịch Công ty thời kỳ 2018 - 10/2019; ông Lê Viết Thuận - Chủ tịch Công ty thời kỳ 11/2019 - 2020; ông Trịnh Văn Tường - Giám đốc Công ty thời kỳ 2018 - 2019; ông Nguyễn Thừa Anh - Giám đốc Công ty thời kỳ 4/2020 - 12/2020; trách nhiệm tham mưu thuộc về Phòng Kế hoạch - Tài chính.*

- Trong mua sắm tài sản thời kỳ 2018 - 2019, chưa ban hành quyết định mua sắm, Chủ tịch Công ty chưa có ý kiến bằng văn bản theo điểm a, khoản 2, Điều 17 Điều lệ hoạt động Công ty được ban hành, sửa đổi theo Quyết định số 1954/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh (Điều lệ Công ty); không có yêu cầu về tiêu chuẩn, tính năng kỹ thuật, cấu tạo tài sản cần mua sắm; không xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, đăng tải kế hoạch, kết quả lựa chọn nhà thầu theo Điều 8 Luật Đấu thầu 2013; không gửi yêu cầu báo giá đến cho nhà cung cấp, không đánh giá các báo giá; thực hiện chưa đủ thủ tục phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo điểm b, khoản 2, Điều 38 Luật Đấu thầu 2013.

- Việc đầu tư mua sắm, hình thành mới tài sản<sup>46</sup> trong năm 2018, 2019 từ nguồn cấp bù thủy lợi phí, nguồn hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi với giá trị 864,313 triệu đồng là không đúng mục đích sử dụng nguồn tài chính quy định tại Điều 4, Điều 8 Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước.

*Các khuyết điểm trên trách nhiệm lãnh đạo, quản lý thuộc về ông Hoàng Trung Thơ - Chủ tịch Công ty thời kỳ 2018 - 10/2019; ông Trịnh Văn Tường - Giám đốc Công ty thời kỳ 2018 - 2019; trách nhiệm tham mưu thuộc về Phòng Kế hoạch - Tài chính, Kế toán trưởng Công ty.*

<sup>45</sup> Kế hoạch 63/KH-UBND ngày 08/02/2018, Kế hoạch 82/KH-UBND ngày 05/3/2019, Kế hoạch 92/KH-UBND ngày 26/02/2020.

<sup>46</sup> Máy bơm tạm Hệ thống bơm Đắk Rền và Trạm bơm D12, xã Quảng Phú.

*alejo*

1.3. Việc công khai, minh bạch trong xây dựng cơ bản và quản lý dự án đầu tư xây dựng:

- Trong thời kỳ 2018 - 2019, Công ty không đăng tải kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu chỉ định thầu, tự thực hiện theo quy định tại Điều 8 Luật Đấu thầu 2013, điểm a, khoản 2, Điều 13 Luật PCTN 2005; đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu còn chậm thời gian quy định tại điểm c khoản 1, Điều 8 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn một số điều Luật Đấu thầu; đăng tải chưa đầy đủ lên Hệ thống đấu thầu quốc gia qua mạng về kế hoạch, kết quả lựa chọn nhà thầu một số gói thầu đấu thầu rộng rãi là thực hiện chưa đảm bảo kế hoạch và lộ trình đấu thầu qua mạng quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 37 Thông tư liên tịch số 07/2015/ TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính (đến năm 2020, Công ty đã thực hiện đúng kế hoạch và lộ trình đấu thầu qua mạng quy định tại Điều 29 Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng).

*Hạn chế, khuyết điểm trên trách nhiệm lãnh đạo, quản lý thuộc về ông Hoàng Trung Thơ - Chủ tịch Công ty thời kỳ 2018 - 2019; ông Trịnh Văn Tường - Giám đốc Công ty thời kỳ 2018 - 2019; trách nhiệm tham mưu thuộc về Ban QLDA Công ty.*

- Còn 05 công trình lập hồ sơ đề nghị quyết toán chậm thời hạn quy định; 08 công trình đã hoàn thành bàn giao nhưng Công ty chưa lập, nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

- Công ty chưa công khai kết quả phê duyệt quyết toán 10 công trình (*Phụ lục số I-2c*) đã được phê duyệt là thực hiện không đúng quy định tại điểm 2.5, khoản 2, Mục I và khoản 3, Mục II Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính và điểm d, khoản 4, Điều 15 Luật PCTN 2005.

*Các hạn chế, khuyết điểm trên trách nhiệm lãnh đạo, quản lý thuộc về ông Hoàng Trung Thơ - Chủ tịch Công ty thời kỳ 2018 - 10/2019; ông Lê Viết Thuận - Chủ tịch Công ty thời kỳ 11/2019 - 2020; ông Trịnh Văn Tường - Giám đốc Công ty thời kỳ 2018 - 2019; ông Nguyễn Thừa Anh - Giám đốc Công ty thời kỳ 4/2020 - 12/2020; trách nhiệm tham mưu thuộc về Ban QLDA Công ty, Phòng Kế hoạch - tài chính.*

1.4. Trong thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, Công ty còn chưa gửi các chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, các báo cáo liên quan hoạt động của doanh nghiệp... đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện công bố các thông tin của Công ty theo quy định tại các Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính Phủ về công bố thông tin doanh nghiệp. *Hạn chế trên trách nhiệm thuộc về Chủ tịch Công ty theo quy định tại khoản 3, Điều 10 Nghị định số 81/2015/NĐ-CP, khoản 1, Điều 12 Luật PCTN 2018.*

*21/10*

1.5. Việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2018, còn một số bản kê khai thiếu chữ ký từng trang của người kê khai; một số bản nội dung kê khai không đầy đủ tài sản. *Trách nhiệm thuộc về người có nghĩa vụ kê khai.*

1.6. Khi thực hiện việc bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với ông Trần Văn Chạy tại thời điểm tháng 8/2020, Công ty đã có văn bản xin ý kiến Sở Nội vụ, đã căn cứ vào quy định tại Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 04/7/2017<sup>47</sup> và Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh<sup>48</sup> để thực hiện; tuy nhiên trong thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm không có văn bản ý kiến của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh theo quy định tại mục 2.2, khoản 2, Điều 10 Quy định số 18-QĐi/TU ngày 27/8/2019 của Tỉnh ủy Đắk Nông về phân cấp quản lý cán bộ; không có ý kiến của chủ sở hữu hoặc cơ quan cấp trên theo phân cấp hiện hành của tỉnh theo quy định tại khoản 1, Điều 24 Điều lệ hoạt động Công ty; không đúng khoản 5, Điều 2 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ban hành theo Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh.

*Khuyết điểm trên trách nhiệm thuộc về ông Lê Viết Thuận - Chủ tịch Công ty thời kỳ 2020; Sở Nội vụ có trách nhiệm liên đới trong việc hướng dẫn Công ty thực hiện việc bổ nhiệm.*

1.7. Việc xây dựng, chấp hành chế độ, định mức, tiêu chuẩn:

- Trong Quy chế chi tiêu nội bộ còn một số nội dung chi, mức chi, thủ tục chi không đúng quy định tại khoản 3, Điều 7, Điều 9, Điều 11 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Điều 106 Bộ luật Lao động 2012, Điều 107 Bộ luật Lao động 2019.

- Trong Quy định tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, từ chức, miễn nhiệm cán bộ của Công ty; có nội dung quy định Chủ tịch công ty quyết định chủ trương bổ nhiệm đối với chức danh Phó Giám đốc Công ty là không đúng thẩm quyền theo quy định tại Quy định số 18-QĐi/TU ngày 27/8/2019 của Tỉnh ủy, Điều lệ hoạt động Công ty và Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh.

*Hạn chế, khuyết điểm trên trách nhiệm thuộc về người đứng đầu là ông Hoàng Trung Thơ - Chủ tịch Công ty thời kỳ 2018 - 10/2019, ông Lê Viết Thuận - Chủ tịch Công ty thời kỳ 11/2019 - 2020; trách nhiệm tham mưu thuộc về Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Tổ chức Hành chính.*

- Năm 2019, Công ty hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp khoản chi phí tham quan, học tập kinh nghiệm chứng từ chưa hợp lý hợp lệ (từ nguồn thu thủy lợi phí) với số tiền **205.700.000** đồng, chưa đúng quy định tại Điều 8 Thông tư số 73/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, do nguồn thu dịch vụ tưới, tiêu, cấp nước, cấp bù thủy lợi phí, nạo vét kênh, mương nội đồng... được miễn Thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC

<sup>47</sup> ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đắk Nông.

<sup>48</sup> ban hành Quy chế nội bộ về tổ chức thực hiện quyền, trách nhiệm của UBND tỉnh đối với các doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.



ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nên Công ty không phải nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp<sup>49</sup>.

- Năm 2020, Công ty hạch toán chi phí sửa chữa lớn 02 công trình với số tiền 4,538 tỷ đồng từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là đúng nguồn vốn theo chủ trương đầu tư của UBND tỉnh, tuy nhiên Công ty thực hiện chi thanh toán khi chưa xây dựng kế hoạch kinh phí sửa chữa lớn tài sản cố định trình UBND tỉnh phê duyệt là chưa đúng quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 7 Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước.

- Việc sửa chữa cấp bách Công trình Hồ số 3 xã Đăk Ngo và Công trình Hồ Đăk Huýt xã Quảng Trục được UBND tỉnh đồng ý chủ trương đầu tư sửa chữa cấp bách tại Công văn số 4963/UBND-NN ngày 05/10/2018, với nguồn vốn đầu tư là nguồn Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của Công ty và các nguồn huy động hợp pháp khác. Năm 2019, Công ty đã chi thanh toán cho 02 công trình 2,237 tỷ đồng từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định; năm 2020, hạch toán chi thanh toán sửa chữa 02 công trình 4,538 tỷ đồng từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đúng nguồn vốn theo chủ trương đầu tư, tuy nhiên Công ty chi thanh toán chi phí sửa chữa lớn 02 công trình trong năm 2020 khi chưa lập kế hoạch kinh phí sửa chữa lớn tài sản cố định để báo cáo, trình UBND tỉnh phê duyệt thực hiện.

- Khi số liệu trong Báo cáo tài chính về số dư năm sau có thay đổi so với Báo cáo tài chính năm trước, khi thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính năm hiện tại (năm báo cáo) Công ty chưa thuyết minh đầy đủ về số liệu thay đổi theo quy định tại Mục 3 Phần V Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Chuẩn mực Kế toán số 29 ban hành và công bố theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Các hạn chế, khuyết điểm trên trách nhiệm lãnh đạo, quản lý thuộc về ông Hoàng Trung Thơ - Chủ tịch Công ty thời kỳ 2018 - 10/2019; ông Trịnh Văn Tường - Giám đốc Công ty thời kỳ 2018 - 2019; trách nhiệm trong công tác kế toán thuộc về Phòng Kế hoạch - tài chính, Kế toán trưởng Công ty.*

1.8. Công ty đã có ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí. Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2019, tuy nhiên đến cuối năm 2020 Công ty vẫn chưa bổ sung quy định nội dung thực hiện trách nhiệm giải trình vào quy chế làm việc của Công ty theo khoản 1, Điều 7 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP. *Hạn chế này trách nhiệm thuộc về người đứng đầu là Chủ tịch Công ty thời kỳ tháng 8/2019 - 10/2019, thời kỳ tháng 11/2019 - 12/2020.*

## **2. Trách nhiệm quản lý đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi**

2.1. Trong hoạt động quản lý đầu tư xây dựng, một số nội dung Chủ tịch Công ty quyết định ủy quyền cho Giám đốc Công ty thực hiện còn chưa phù hợp:

<sup>49</sup> Công ty chỉ nộp Thuế TNDN từ các nguồn thu hoạt động tài chính, thu khác: Năm 2018: doanh thu khác và lãi tiền gửi: 83,974 triệu đồng; chi phí 15,700 triệu đồng; thuế TNDN (20%): 13,655 triệu đồng; Năm 2019: doanh thu khác và lãi tiền gửi: 75,898 triệu đồng; thuế TNDN (20%): 15,179 triệu đồng.

*Handwritten signature*

ủy quyền Giám đốc ký các hợp đồng xây dựng là không phù hợp với các quy định tại khoản 7, Điều 3 và điểm d, khoản 2, Điều 4 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Giám đốc các Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ban hành theo Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh; khoản 4, Điều 19 Điều lệ hoạt động Công ty; khoản 4, Điều 3 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước; điểm d, khoản 3 Điều 44 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp 2014.

2.2. Công ty chưa xây dựng Quy trình bảo trì các công trình đập, hồ chứa thủy lợi; không lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 9, Điều 10 Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2019).

*Trách nhiệm trong việc xây dựng quy trình thuộc về Chủ tịch Công ty thời kỳ tháng 7/2019 - 10/2019, thời kỳ tháng 11/2019 - 12/2020 (theo khoản 10, Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Giám đốc các Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ban hành theo Quyết định số 1639/QĐ-UBND của UBND tỉnh); trách nhiệm trong xây dựng kế hoạch thuộc về Giám đốc Công ty, Giám đốc các Chi nhánh huyện, thành phố.*

2.3. Trong quá trình Công ty thực hiện đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, còn 31 công trình, hạng mục công trình có tồn tại, khuyết điểm với tổng giá trị là 2.535,123 triệu đồng:

- Hồ sơ dự toán 07 công trình, hạng mục tính sai khối lượng, sai định mức, lập không đúng hiện trạng hạng mục công trình với giá trị 148,565 triệu đồng, không đúng quy định tại khoản 1, Điều 9 Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

*Khuyết điểm trên trách nhiệm thuộc về các đơn vị tư vấn thiết kế - dự toán; đơn vị thẩm định là Chi cục Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và PTNT; chủ đầu tư là Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắc Nông và đại diện chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án Công ty thời kỳ 2018 - 2020 chịu trách nhiệm trong lựa chọn nhà thầu tư vấn.*

- Thi công không đúng khối lượng theo thiết kế - dự toán nhưng vẫn nghiệm thu, thanh toán với giá trị 837,558 triệu đồng là không đúng quy định tại Điều 33, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Trong thực tế thay đổi biện pháp thi công nhưng chủ đầu tư, đơn vị thi công, đơn vị tư vấn giám sát không lập biên bản xử lý hiện trường, điều chỉnh biện pháp để làm cơ sở nghiệm thu, tính toán lại khối lượng thực tế thi công mà thực hiện nghiệm thu thanh toán theo như hồ sơ thiết kế, dự toán với giá trị là 125,950 triệu đồng; hồ sơ thiết kế không xác định cụ thể vị trí bãi thải để làm cơ sở lập dự toán cự ly vận chuyển đất, phế thải đi; hồ sơ nghiệm thu thiết lập chưa đầy đủ, chưa đảm bảo cơ sở để xác định đúng cự ly, khoảng cách vận chuyển, với giá trị nghiệm thu chưa đảm bảo cơ sở là 1.423,050 triệu đồng.

*Các tồn tại, khuyết điểm trên trách nhiệm thuộc về các đơn vị thi công, đơn vị tư vấn thiết kế - dự toán; tư vấn giám sát kỹ thuật thi công; chủ đầu tư là Công ty*

*alps*

*TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi; đại diện chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án Công ty thời kỳ 2018 - 2020 (trách nhiệm của các đơn vị liên quan theo Phụ lục số II-7).*

2.4. Việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng, thực hiện thi công các công trình, hạng mục công trình của Xí nghiệp xây dựng - dịch vụ còn thiếu sót, khuyết điểm với tỷ lệ chi phí, giá trị công trình bị xuất toán lớn so với các công trình khác cùng đặc điểm (chi phí nhân công nạo vét bùn, cốt thép thành kênh):

- Xí nghiệp Xây dựng dịch vụ thanh toán chi phí nhân công còn thiếu khối lượng so với khối lượng nhân công trực tiếp theo hồ sơ thiết kế - dự toán sửa chữa các hạng mục công trình với giá trị **672,409** triệu đồng; Công ty kiểm soát chưa chặt chẽ khi đối chiếu, tập hợp quyết toán chi phí của Xí nghiệp, nên đã hạch toán, xác định khoản chi phí sửa chữa tài sản cố định không đúng này vào kết quả xác định lợi nhuận của Công ty năm 2018, năm 2019, không đúng quy định tại điểm 2.6, khoản 2, Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung theo Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp; khoản 3, Điều 7 Thông tư số 73/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Ngoài ra, Xí nghiệp thực hiện theo dõi, xuất, nhập, tồn kho, chứng từ phân bổ vật tư, vật liệu, hàng hóa chưa đảm bảo chế độ kế toán; phân bổ chi phí vận chuyển cho công trình chưa đảm bảo hợp lý, hợp lệ 248,216 triệu đồng.

*Khuyết điểm trên trách nhiệm thuộc về ông Trần Văn Chạy - Giám đốc Xí nghiệp xây dựng - dịch vụ thời kỳ 2018, bà Lê Thị Hằng - Kế toán Xí nghiệp thời kỳ 2018; trách nhiệm trong việc quản lý, kiểm soát thuộc về ông Trịnh Văn Tường - Giám đốc Công ty thời kỳ 2018, bà Bùi Thị Loan - Kế toán trưởng Công ty thời kỳ 2018.*

- Công ty giao khoán nội bộ cho Xí nghiệp xây dựng - dịch vụ thi công công trình với giá trị gồm giá dự toán và phần Thuế giá trị gia tăng 10% các công trình sửa chữa, nạo vét phục vụ sản xuất nông nghiệp không phải chịu Thuế giá trị gia tăng không đúng quy định tại khoản 3, Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng. Tuy nhiên, trong dự toán các hạng mục công trình có tính giá nguyên vật liệu theo thông báo giá chưa có Thuế giá trị gia tăng, các hóa đơn nguyên vật liệu đầu vào có Thuế giá trị gia tăng, Công ty đã hạch toán vào chi phí khi xác định lợi nhuận, không thực hiện kê khai Thuế giá trị gia tăng để khấu trừ.

*Khuyết điểm trên trách nhiệm lãnh đạo, quản lý thuộc về ông Hoàng Trung Thơ - Chủ tịch Công ty thời kỳ 2018 - 10/2019; ông Lê Viết Thuận - Chủ tịch Công ty thời kỳ 11/2019 - 2020; ông Trịnh Văn Tường - Giám đốc Công ty thời kỳ 2018 - 2019; ông Nguyễn Thừa Anh - Giám đốc Công ty thời kỳ 4/2020 - 12/2020; trách nhiệm trong công tác kế toán thuộc về Phòng Kế hoạch - tài chính, Kế toán trưởng Công ty.*

\* Các hạn chế, khuyết điểm về kinh tế phát hiện qua thanh tra được xử lý là **3.413,232** triệu đồng, gồm: Chánh Thanh tra tỉnh sẽ quyết định thu hồi nộp ngân sách Nhà nước **1.584,736** triệu đồng (912,327 triệu đồng sai khối lượng, định mức trong hồ sơ dự toán, nghiệm thu các công trình<sup>50</sup>; 672,409 triệu đồng không đúng

<sup>50</sup> Năm 2018: 399,22 triệu đồng; năm 2019: 568,31 triệu đồng; 2020: 41,03 triệu đồng.

*diep*

khối lượng chi phí nhân công trực tiếp sửa chữa các hạng mục công trình Công ty tự thực hiện<sup>51</sup>); yêu cầu thi công bổ sung, hoàn thiện khối lượng theo đúng thiết kế công trình 73,796 triệu đồng; yêu cầu hạch toán, điều chỉnh bổ sung hồ sơ, chứng từ thanh toán 205,700 triệu đồng; kiến nghị hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, thủ tục 1.549,000 triệu đồng.

## **C. KIẾN NGHỊ**

### **I. UBND tỉnh**

Giao Sở Nội vụ thực hiện:

- Tham mưu sửa đổi, bổ sung Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ban hành theo Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh cho phù hợp theo các quy định tại Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước.

- Hướng dẫn các Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh thực hiện việc bổ nhiệm các chức danh quản lý doanh nghiệp đảm bảo đúng quy định hiện hành về công tác cán bộ của Đảng, Nhà nước.

### **II. Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông**

1. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về PCTN tại Công ty; khắc phục các hạn chế, khuyết điểm trong xây dựng kế hoạch thực hiện công tác PCTN hàng năm, báo cáo công tác PCTN định kỳ, việc thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của Công ty.

2. Xây dựng, ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản cố định; quy trình bảo trì các công trình đập, hồ chứa thủy lợi; điều chỉnh nội dung quy định thẩm quyền quyết định chủ trương bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty trong Quy định tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, từ chức, miễn nhiệm cán bộ của Công ty; nghiên cứu, điều chỉnh một phần Quyết định số 305/QĐ-KTTL ngày 10/9/2020 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi về nội dung ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký các hợp đồng xây dựng cho phù hợp theo các quy định hiện hành.

Nghiên cứu, có ý kiến đề xuất với Sở Nông nghiệp và PTNT liên quan đến nội dung phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án, công trình do Công ty thực hiện từ nguồn vốn của Công ty để đảm bảo việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Công ty trong việc quyết định dự án đầu tư từ nguồn vốn của doanh nghiệp đảm bảo đúng các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng, doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

3. Thu hồi quyết định bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với ông Trần Văn Chạy; sau đó thực hiện lại thủ tục bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty theo đúng quy định.

<sup>51</sup> Năm 2018: 734,344 triệu đồng, năm 2019: 14,064 triệu đồng.

4. Các khuyết điểm, vi phạm chủ yếu tập trung trong thời kỳ 2018 - 2019 do ông Trịnh Văn Tường làm Giám đốc Công ty; hiện nay ông Trịnh Văn Tường đã nghỉ việc nên không kiến nghị xử lý kiểm điểm trách nhiệm.

Chủ tịch, Giám đốc Công ty kiểm điểm, rút kinh nghiệm liên quan đến các khuyết điểm trong thời kỳ 2020 đã nêu tại phần kết luận để đề ra biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời trong thời gian tới.

5. Giao Giám đốc Công ty tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm của các phòng, ban, xí nghiệp, cá nhân thuộc Công ty có liên quan đến các hạn chế, khuyết điểm đã nêu tại phần kết luận để có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục.

### **III. Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đăk Nông**

1. Chỉ đạo Ban Quản lý dự án, Phòng Kế hoạch Tài chính tham mưu thực hiện đúng quy định việc công khai, minh bạch trong quản lý dự án đầu tư, mua sắm công; thực hiện lập, trình hồ sơ đề nghị thẩm tra, quyết toán vốn đầu tư dự án đã hoàn thành kịp thời, đúng thời hạn quy định.

2. Tổ chức xây dựng kế hoạch kiểm tra công trình thường xuyên, định kỳ và đột xuất các công trình thủy lợi để thực hiện duy tu, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định hiện hành.

3. Chấn chỉnh, khắc phục kịp thời các hạn chế, khuyết điểm trong công tác quản lý tài chính, thiết lập, kiểm soát chứng từ, hóa đơn thanh toán, hạch toán kế toán đã nêu tại phần kết luận.

4. Chỉ đạo thực hiện hạch toán, điều chỉnh bổ sung hồ sơ, chứng từ thanh toán chi phí tham quan, học tập kinh nghiệm 205,700 triệu đồng theo đúng quy định.

5. Thu hồi của các đơn vị thi công để nộp vào ngân sách nhà nước theo quyết định thu hồi của Chánh Thanh tra tỉnh Đăk Nông khoản tiền 1.584,736 triệu đồng, gồm: 912,327 triệu đồng sai về khối lượng, định mức các công trình; 672,409 triệu đồng thanh toán chi phí không đúng khối lượng nhân công trực tiếp sửa chữa các hạng mục công trình Công ty tự thực hiện (giao Xí nghiệp Xây dựng - dịch vụ thi công).

6. Chỉ đạo Xí nghiệp Xây dựng - dịch vụ: (1) Khắc phục các hạn chế, khuyết điểm đã nêu tại phần kết luận; tăng cường trách nhiệm trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng, thực hiện thi công các công trình, hạng mục công trình do Công ty giao thực hiện. (2) Khẩn trương thi công bổ sung khối lượng để đảm bảo an toàn, hiệu quả sử dụng công trình: kè rọ đá, cọc cừ sắt (giá trị 52,521 triệu đồng) tại Công trình Kênh chống hạn Long Sơn, xã Nam Xuân, huyện Krông Nô; thanh giăng (giá trị 10,471 triệu đồng) tại Hạng mục Sửa chữa, nâng cao thành kênh N2 Trạm bơm D12; bổ sung lớp đất đắp bờ kênh (giá trị 3,254 triệu đồng) tại Hạng mục Sửa chữa, nâng cao thành kênh tưới Trạm bơm Ea Pô và Nạo vét kênh tiêu Buôn K'Nha.

7. Yêu cầu các đơn vị thi công rà soát, xử lý hoàn thiện các công tác xây lắp còn thiếu của 03 hạng mục công trình: Công trình thủy lợi Đăk Mol - Hạng mục Nạo vét, sửa chữa kênh nhánh Hà Nam Ninh; Công trình thủy lợi Đăk Mâm - Hạng mục Nạo vét, sửa chữa kênh N62; Sửa chữa các Công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa.

*Handwritten signature*

8. Chỉ đạo khẩn trương sửa chữa, khắc phục một số hư hỏng (cửa van nước hỏng, thành kênh vỡ, máy bơm hỏng...) tại các hạng mục công trình đã nêu tại phần kết quả thanh tra.

9. Yêu cầu Ban Quản lý dự án, đơn vị thi công, đơn vị tư vấn giám sát: (1) Rà soát, lập biên bản xử lý hiện trường theo tỷ lệ hiện trạng tận dụng vật liệu cũ tại 02 công trình (Hồ số 2, Đắc Ngo, Tuy Đức - Hạng mục Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước; Hồ số 4, Đắc Ngo, Tuy Đức - Hạng mục Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước) để nghiệm thu theo khối lượng thực tế thi công, và đối chiếu với giá trị đã nghiệm thu 125,950 triệu đồng để xử lý nếu có chênh lệch; (2) Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu đối với khối lượng công tác vận chuyển đất, phế thải đổ đi của các công trình đảm bảo theo quy định với giá trị đã nghiệm thu là 1.423,050 triệu đồng.

10. Tăng cường soát xét năng lực các đơn vị tư vấn trong việc giao thầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế - dự toán, giám sát thi công để hạn chế sai sót trong quản lý đầu tư xây dựng, tăng cường hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng nguồn tài chính sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu của Công ty.

11. Tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm của các phòng, ban, xí nghiệp, cá nhân thuộc Công ty có liên quan đến các hạn chế, khuyết điểm đã nêu tại phần kết luận để yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục nghiêm túc, kịp thời./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- TTCP (Cục II) (báo cáo);
- Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL;
- Chánh Thanh tra;
- Các Phó Chánh thanh tra;
- Phòng NV1, NV3, VP, ĐTT số 18;
- Lưu: VT. *mequy*

**KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



**Lương Hồng Hà**



**BẢNG KẾ SỔ LIỆU MUA SẴM MÁY MÓC THIẾT BỊ VÀ TÀI SẢN 2018 - 2019**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 173/KL-TTr ngày 19/8/2021 của Thanh tra tỉnh)

TT	Hạng mục	Ngày tháng hoàn thành	Giá trị	Kết quả kiểm tra
<b>I</b>	<b>Năm 2018</b>		<b>582.307.913</b>	
01	Thiết bị Trạm bơm D12, máy bơm LT270-12, tủ điều khiển	15/09/2018	308.197.513	Có báo giá của các đơn vị bán hàng; Công ty không có hồ sơ yêu cầu báo giá cho nhà thầu, không thành lập tổ khảo sát và xét giá, không đánh giá các báo giá và thương thảo hợp đồng; không công khai kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà thầu; sử dụng nguồn hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi để mua
02	Bộ máy bơm LT270-12 động cơ 15KW, n=1450v/p	21/03/2018	99.994.400	Chưa xác định nguồn vốn; không ban hành quyết định mua sắm, chưa có ý kiến đồng ý của Chủ tịch Công ty; việc mua sắm có báo giá của các đơn vị cung cấp; Công ty không chuẩn bị và gửi yêu cầu báo giá cho nhà thầu, không thành lập tổ khảo sát và xét giá, không xây dựng kế hoạch tiêu chuẩn máy yêu cầu mua sắm; không đánh giá các báo giá và thương thảo hợp đồng; trình, phê duyệt, ký hợp đồng và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu
03	Tổng bơm HL 700-7 (1 cái)	11/01/2018	38.060.000	
04	Tổng bơm HL 980-9 (1 cái)	13/07/2018	56.056.000	
05	Máy biến áp 3P - 75KVA - 22/0.4 KV	27/08/2018	80.000.000	
<b>II</b>	<b>Năm 2019</b>		<b>694.653.565</b>	
06	Mua sắm, lắp đặt: Hệ thống Máy bơm Trạm bơm Buôn Chól	27/02/2019	138.537.469	Không xác định nguồn vốn; không ban hành quyết định mua sắm, chưa có ý kiến đồng ý của Chủ tịch Công ty; việc mua sắm có báo giá của các đơn vị cung cấp; Công ty không chuẩn bị và gửi yêu cầu báo giá cho nhà thầu, không thành lập tổ khảo sát và xét giá, không xây dựng kế hoạch tiêu chuẩn máy yêu cầu mua sắm; không đánh giá các báo giá và thương thảo hợp đồng; trình, phê duyệt, ký hợp đồng và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu
7	Máy bơm -Trạm bơm Đăk Rền	20/12/2019	556.116.096	Việc mua sắm thiết bị có báo giá của các đơn vị bán hàng; Công ty không chuẩn bị và gửi yêu cầu báo giá cho nhà thầu, không thành lập tổ khảo sát và xét giá, không xây dựng tiêu chuẩn máy yêu cầu mua sắm; không đánh giá các báo giá và thương thảo hợp đồng; trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; việc mua bán nghiệm thu, bàn giao không ghi ngày tháng giao nhận; sử dụng nguồn hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi để mua sắm
	<b>Cộng</b>		<b>1.276.961.478</b>	

*(Handwritten signature)*

**BẢNG TỔNG HỢP THỰC HIỆN CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG CHỌN THẦU  
XÂY DỰNG, NÂNG CẤP, SỬA CHỮA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 173./KL-TTr ngày 19/8/2021 của Thanh tra tỉnh)

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Cộng		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
			KL	%	KL	%	KL	%	KL	%
1	<b>Chỉ định thầu và tự thực hiện</b>		47	100	34	100	2	100	11	100
-	Đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên hệ thống đấu thầu	C.trình	2	4,26	-	-	-	-	2	18,18
-	Không đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu	C.trình	25	53,19	21	61,8	-	-	4	36,36
-	Đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu	C.trình	20	42,55	13	38,2	2	100,00	5	45,45
-	Không đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu	C.trình	25	53,19	21	61,8	-	-	4	36,36
-	Đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu	C.trình	20	42,55	13	38,2	2	100,00	5	45,45
2	<b>Đấu thầu rộng rãi</b>		22	100	6	100	11	100	5	100
-	Đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu thông qua Báo đấu thầu	C.trình	14	63,64	4	67	10	90,91	-	-
-	Không đăng tải kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà thầu	C.trình	4	18,18	4	67	-	-	-	-
-	Đăng tải kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống đấu thầu quốc gia nhưng không qua mạng đấu thầu	C.trình	13	59,09	2	33,33	10	90,91	1	20,00
-	Đăng tải kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống đấu thầu quốc gia qua mạng đấu thầu	C.trình	5	22,73	-	-	1	9,09	4	80,00

*Handwritten signature*



**BẢNG KÊ THỰC HIỆN CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG CHỌN THẦU  
XÂY DỰNG, NÂNG CẤP, SỬA CHỮA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**  
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 433/KL-TTr ngày 19/8/2021 của Thanh tra tỉnh)

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định phê duyệt DA, BCKTKT	Văn bản về Kế hoạch đấu thầu		Văn bản kết quả lựa chọn nhà thầu	Thông báo đăng tải KHLCNT và KQLCNT			Ghi chú
			Văn bản	Hình thức		Đăng tải KHLCNT	Đăng tải KQLCNT	Ngày đăng tải	
	<b>Năm 2018</b>								
01	CTTL Đăk Glun 1, Xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức (HM: Sửa chữa tràn xả lũ)	1033/QĐ-SNN ngày 06/12/2017	1033/QĐ-SNN ngày 06/12/2017	Đấu thầu rộng rãi	378/QĐ-KTTL ngày 29/12/2017	Báo đấu thầu số 234 ngày 08/12/2017			Không đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu
02	Hồ Núi Lửa, Xã Thuận An, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông (Hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ)	927/QĐ-SNN ngày 27/11/2017	927/QĐ-SNN ngày 27/11/2017	Đấu thầu rộng rãi	377/QĐ-KTTL ngày 29/12/2017	Báo đấu thầu số 234 ngày 08/12/2017			Không đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu
03	Hồ Đăk Puer, Xã Thuận An, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông (Hạng mục: Bê tông đường đê đập)	1081/QĐ-SNN ngày 29/12/2017	1081/QĐ-SNN ngày 29/12/2017	Chỉ định thầu	36A/QĐ-KTTL ngày 16/1/2018	36A/QĐ-KTTL ngày 16/1/2018			Không đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu, Báo đấu thầu
04	Hồ số 4, xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước)	Quyết định số 30/QĐ-SNN ngày 17/01/2018	Quyết định số 30/QĐ-SNN ngày 17/01/2018	Đấu thầu rộng rãi	83/QĐ-KTTL ngày 26/2/2018	Báo đấu thầu số 15 ngày 25/01/2018			Không đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu
05	Hồ số 2, xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước)	Quyết định số 31/QĐ-SNN ngày 17/01/2018	Quyết định số 31/QĐ-SNN ngày 17/01/2018	Đấu thầu rộng rãi	82/QĐ-KTTL ngày 26/2/2018	Báo đấu thầu số 15 ngày 25/01/2018			Không đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu
06	Hồ Đăk Mol	19/QĐ-SNN ngày 12/01/2018	19/QĐ-SNN ngày 12/01/2018	Đấu thầu rộng rãi	84/QĐ-KTTL ngày 26/2/2018	TBMT: 20180327140	20180336389-00		Gói thầu có hạn mức phải đấu thầu qua mạng hoặc Báo đấu thầu; Công ty chỉ đăng tải kết quả đấu thầu không qua mạng; đăng tải KHLCNT, kết quả LCNT chậm (Không qua mạng)
07	CTTL Đăk Săk	897/QĐ-SNN Ngày 19/12/2018	82/QĐ-UBND ngày 14/1/2019	Đấu thầu rộng rãi	69/QĐ-KTTL ngày 19/2/2019	Báo đấu thầu số 15 ngày 22/01/2019	20190138712-00	21/01/2018	Không qua mạng
08	CTTL Sinh Muồng, xã Thuận Hạnh, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông (Hạng mục: Đường đê đập, đường vận hành)	18/QĐ-SNN ngày 12/01/2018	18/QĐ-SNN ngày 12/01/2018	Chỉ định thầu	76A/QĐ-KTTL ngày 26/1/2018	76A/QĐ-KTTL ngày 26/1/2019			Không đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu, Báo đấu thầu
09	Sửa chữa kênh tưới N5 - Trạm bơm số 5 Hệ thống trạm bơm Đăk Rền, xã Năm N'Đir, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông (Hạng mục: Kênh tưới N5)	74/QĐ-SNN ngày 05/3/2018	74/QĐ-SNN ngày 05/3/2018	Chỉ định thầu	89/QĐ-KTTL ngày 12/3/2018	89/QĐ-KTTL ngày 12/3/2019			Không đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu, Báo đấu thầu
10	Công trình thủy lợi Bàu Muối, xã Nhân Đạo, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông (Hạng mục: Sửa chữa cống lấy nước, kênh N1)	228/QĐ-SNN ngày 31/5/2018	228/QĐ-SNN ngày 31/5/2018	Chỉ định thầu	142/QĐ-KTTL ngày 05/6/2018	142/QĐ-KTTL ngày 05/6/2019			Không đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu, Báo đấu thầu
11	Công trình thủy lợi Đăk R'Mu, xã Nhân Đạo, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông (Hạng mục: Sửa chữa cống lấy nước)	Quyết định số 226/QĐ-SNN ngày 31/5/2018	Quyết định số 226/QĐ-SNN ngày 31/5/2018	Chỉ định thầu	143/QĐ-KTTL ngày 05/6/2018	143/QĐ-KTTL ngày 05/6/2019			Không đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu, Báo đấu thầu

12	Đập Thái Bá Long, xã Đức Minh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Sửa chữa kênh)	412/QĐ-SNN ngày 02/7/2018	412/QĐ-SNN ngày 02/7/2018	Chỉ định thầu	181/QĐ-KTTL ngày 05/7/2018	181/QĐ-KTTL ngày 05/7/2018		Không đăng tải trên Hệ thống mạng đầu thầu, Báo đầu thầu
13	Trạm bơm D12, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Sửa chữa, thay thế hệ thống máy bơm)	413/QĐ-SNN ngày 02/7/2018	413/QĐ-SNN ngày 02/7/2018	Chỉ định thầu	179/QĐ-KTTL ngày 05/7/2018	179/QĐ-KTTL ngày 05/7/2018		Không đăng tải trên Hệ thống mạng đầu thầu, Báo đầu thầu
14	Kênh tiêu Đắk Wil, xã Đắk Wil, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Gia cố bờ kênh trước và sau công D50)	232/QĐ-SNN ngày 31/5/2018	232/QĐ-SNN ngày 31/5/2018	Chỉ định thầu	144/QĐ-KTTL ngày 05/7/2018	144/QĐ-KTTL ngày 05/7/2018		Không đăng tải trên Hệ thống mạng đầu thầu, Báo đầu thầu
15	CTTL Đắk Diêr, xã Cư Knia, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Sửa chữa kênh và công trình trên kênh)	410/QĐ-SNN ngày 02/7/2018	410/QĐ-SNN ngày 02/7/2018	Chỉ định thầu	180/QĐ-KTTL ngày 05/7/2018	180/QĐ-KTTL ngày 05/7/2018		Không đăng tải trên Hệ thống mạng đầu thầu, Báo đầu thầu
16	Sửa chữa thiết bị vận hành các CTTL trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Sửa chữa, thay thế thiết bị vận hành)	400/QĐ-SNN ngày 25/6/2018	400/QĐ-SNN ngày 25/6/2018	Chỉ định thầu	182/QĐ-KTTL ngày 05/7/2018	182/QĐ-KTTL ngày 05/7/2018		Không đăng tải trên Hệ thống mạng đầu thầu, Báo đầu thầu
17	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông (HM: Sửa chữa, nạo vét)	Quyết định số 227/QĐ-SNN ngày 31/5/2018	Quyết định số 227/QĐ-SNN ngày 31/5/2018	Chỉ định thầu	137/QĐ-KTTL ngày 05/6/2018	137/QĐ-KTTL ngày 05/6/2018		Không đăng tải trên Hệ thống mạng đầu thầu, Báo đầu thầu
18	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (HM: Sửa chữa, nạo vét)	229/QĐ-SNN ngày 31/5/2018	229/QĐ-SNN ngày 31/5/2018	Chỉ định thầu	140/QĐ-KTTL ngày 05/6/2018	140/QĐ-KTTL ngày 05/6/2018		Không đăng tải trên Hệ thống mạng đầu thầu, Báo đầu thầu
19	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông (HM: Sửa chữa, nạo vét)	231/QĐ-SNN ngày 31/5/2018	231/QĐ-SNN ngày 31/5/2018	Chỉ định thầu	138/QĐ-KTTL ngày 05/6/2018	138/QĐ-KTTL ngày 05/6/2018		Không đăng tải trên Hệ thống mạng đầu thầu, Báo đầu thầu
20	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (HM: Sửa chữa, nạo vét)	237/QĐ-SNN ngày 05/06/2018	237/QĐ-SNN ngày 05/06/2018	Chỉ định thầu	141/QĐ-KTTL ngày 05/6/2018	141/QĐ-KTTL ngày 05/6/2018		Không đăng tải trên Hệ thống mạng đầu thầu, Báo đầu thầu
21	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (HM: Sửa chữa, nạo vét)	230/QĐ-SNN ngày 31/5/2018	230/QĐ-SNN ngày 31/5/2018	Chỉ định thầu	134/QĐ-KTTL ngày 05/6/2018	134/QĐ-KTTL ngày 05/6/2018		Không đăng tải trên Hệ thống mạng đầu thầu, Báo đầu thầu
22	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Đắk G'long, tỉnh Đắk Nông (HM: Sửa chữa, nạo vét)	411/QĐ-SNN ngày 02/7/2018	411/QĐ-SNN ngày 02/7/2018	Chỉ định thầu	178/QĐ-KTTL ngày 05/7/2018	178/QĐ-KTTL ngày 05/7/2018		Không đăng tải trên Hệ thống mạng đầu thầu, Báo đầu thầu
23	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Krông Nô (GD1), tỉnh Đắk Nông (HM: Sửa chữa, nạo vét)	471/QĐ-SNN ngày 30/7/2018	471/QĐ-SNN ngày 30/7/2018	Chỉ định thầu	218/QĐ-KTTL ngày 07/8/2018	218/QĐ-KTTL ngày 07/8/2018		Không đăng tải trên Hệ thống mạng đầu thầu, Báo đầu thầu
24	Sửa chữa các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Krông Nô (GD2), tỉnh Đắk Nông (HM: Nâng cao thành kênh)	526/QĐ-SNN ngày 04/9/2018	526/QĐ-SNN ngày 04/9/2018	Chỉ định thầu	222/QĐ-KTTL ngày 05/9/2018	222/QĐ-KTTL ngày 05/9/2018		Không đăng tải trên Hệ thống mạng đầu thầu, Báo đầu thầu

*ay*

25	Sửa chữa, khắc phục tạm thời sạt lở công trình thủy lợi Thôn 2, xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông (HM: Sửa chữa đập đất)	546/QĐ-SNN ngày 18/9/2018	546/QĐ-SNN ngày 18/9/2018	Chỉ định thầu	228/QĐ-KTTL ngày 20/9/2018	228/QĐ-KTTL ngày 20/9/2018			Không đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu, Bảo đấu thầu
26	Kênh tiêu Mỹ Yên, xã Đức Minh, huyện Đắk Mil	600/QĐ-SNN ngày 24/10/2018	600/QĐ-SNN ngày 24/10/2018	Chỉ định thầu	319/QĐ-KTTL ngày 31/11/2018	TBMT: 20181247095	20181249727-00	19/01/2018	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT
27	CTTL Đắk Nang, xã Đức Xuyên, huyện Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa cầu máng số 02 - Kênh N4B)	738/QĐ-SNN ngày 28/11/2018	738/QĐ-SNN ngày 28/11/2018	Chỉ định thầu	341/QĐ-KTTL ngày 14/12/2018	TBMT: 20190115171	20190115288-00	14/01/2019	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT
28	Kênh chống hạn Long Sơn, xã Nam Xuân, huyện Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa kênh chính)	739/QĐ-SNN ngày 28/11/2018	739/QĐ-SNN ngày 28/11/2018	Chỉ định thầu	332/QĐ-KTTL ngày 13/12/2018	TBMT: 20190117931	20190118200-00	14/01/2019	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT
29	Trạm bơm số 05-Hệ thống trạm bơm Đắk Rền, xã Năm N'Đir, Krông Nô (HM: Sửa chữa, nâng cao thành kênh N5-2)	760/QĐ-SNN ngày 4/12/2018	760/QĐ-SNN ngày 4/12/2018	Chỉ định thầu	329/QĐ-KTTL ngày 13/12/2018	TBMT: 20190126328	20190126363-00	14/01/2019	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT
30	Trạm bơm D12 xã Quảng Phú, huyện Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa, nâng cao thành kênh N2)	759/QĐ-SNN ngày 4/12/2018	759/QĐ-SNN ngày 4/12/2018	Chỉ định thầu	338/QĐ-KTTL ngày 13/12/2018	TBMT: 20190126651	20190126656-00	14/01/2019	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT
31	Trạm bơm số 02 - Hệ thống trạm bơm Buôn Choah, xã Buôn Choah, huyện Krông Nô (HM: Sửa chữa, nâng cao thành kênh N2)	761/QĐ-SNN ngày 4/12/2018	761/QĐ-SNN ngày 4/12/2018	Chỉ định thầu	326/QĐ-KTTL ngày 13/12/2018	TBMT: 20190126629	20190126640-00	14/01/2019	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT
32	CTTL Buôn Dong, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô (HM: Sửa chữa kênh chính)	762/QĐ-SNN ngày 4/12/2018	762/QĐ-SNN ngày 4/12/2018	Chỉ định thầu	344/QĐ-KTTL ngày 14/12/2018	TBMT: 20190124714	20190124834-00	14/01/2019	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT
33	Trạm bơm Ea Pô và Kênh tiêu Buôn K'Nha, Cư Jút (HM: Sửa chữa, nâng cao thành kênh tưới Trạm bơm Ea Pô và Nạo vét kênh tiêu Buôn K'Nha)	763/QĐ-SNN ngày 5/12/2018	763/QĐ-SNN ngày 5/12/2018	Chỉ định thầu	347/QĐ-KTTL ngày 14/12/2018	TBMT: 20190125833	20190126259-00	14/01/2019	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT
34	CTTL Đắk Cút, xã Đắk Nĩa, thị xã Gia Nghĩa (Hạng mục: Sửa chữa, nạo vét kênh chính)	757/QĐ-SNN ngày 4/12/2018	757/QĐ-SNN ngày 4/12/2018	Chỉ định thầu	335/QĐ-KTTL ngày 13/12/2018	TBMT: 20190124896	20190124924-00	14/01/2019	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT
35	Sửa chữa, lắp đặt biển báo, biển cảnh báo, biển cấm các CTTL trên địa bàn tỉnh	758/QĐ-SNN ngày 4/12/2018	758/QĐ-SNN ngày 4/12/2018	Chỉ định thầu	351/QĐ-KTTL ngày 14/12/2018	TBMT: 20190124415	20190124594-00	14/01/2019	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT
36	Hồ Đắk Goun Thượng	899/QĐ-SNN Ngày 20/12/2018	58/QĐ-UBND ngày 09/01/2019	Chỉ định thầu	11/QĐ-KTTL ngày 14/01/2019	TBMT: 20190126712	20190139927-00	14/01/2019	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT
37	Công trình thủy lợi Bi Zê Rê	903/QĐ-SNN Ngày 24/12/2018	Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 09/1/2019	Chỉ định thầu	26/QĐ-KTTL ngày 14/1/2019	TBMT: 20190126665	20190140236-00	14/01/2019	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT
38	Công trình thủy lợi Đắk Mâm	893/QĐ-SNN Ngày 18/12/2018	57/QĐ-UBND ngày 09/01/2019	Chỉ định thầu	19/QĐ-KTTL ngày 14/1/2019	TBMT: 20190126690	20190140236-00	không có	Không đăng tải
39	Công trình thủy lợi Đắk Rô	894/QĐ-SNN Ngày 18/12/2018	59/QĐ-UBND ngày 09/01/2019	Chỉ định thầu	15/QĐ-KTTL ngày 14/1/2019	TBMT: 20190126702	20190140236-00	không có	Không đăng tải
40	Hồ Cầu Tư	904/QĐ-SNN Ngày 24/12/2018	56/QĐ-UBND ngày 09/01/2019	Chỉ định thầu	23/QĐ-KTTL ngày 14/1/2019	TBMT: 20190126677	20190140243-00	14/01/2019	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT
<b>Năm 2019</b>									
01	Hồ số 3	17/QĐ-SNN Ngày 8/01/2019	1159/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Đấu thầu rộng rãi	282/QĐ-KTTL ngày 23/8/2019	Báo đấu thầu số 138 ngày 25/7/2019	20190763936-00	24/7/2019	Chưa đăng tải trên mạng đấu thầu
02	Hồ Đắk Huýt	30/QĐ-SNN Ngày 15/01/2019	1303/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	Đấu thầu rộng rãi	373/QĐ-KTTL ngày 30/9/2019	TBMT: 20190839913 - 01	20190867287-00	26/08/2019	Chưa đăng tải trên mạng đấu thầu

*Handwritten signature or mark.*

03	Hồ số 1	43/QĐ-SNN Ngày 21/01/2019	208/QĐ-UBND ngày 15/02/2019	Đầu thầu rộng rãi	117/QĐ-KTTL ngày 14/3/2019	Báo đầu thầu số 33 ngày 22/02/2019	20190219258-00	21/02/2019	Chưa đăng tải trên mạng đấu thầu
04	Hồ Đắc Glun 3	44/QĐ-SNN Ngày 21/01/2019	206/QĐ-UBND ngày 15/02/2019	Đầu thầu rộng rãi	127/QĐ-KTTL ngày 18/3/2019	Báo đầu thầu số 33 ngày 22/02/2019	20190219185-00	21/02/2019	Chưa đăng tải trên mạng đấu thầu
05	Hồ Buôn Lang	45/QĐ-SNN Ngày 21/01/2019	207/QĐ-UBND ngày 15/02/2019	Đầu thầu rộng rãi	136/QĐ-KTTL ngày 20/3/2019	Báo đầu thầu số 33 ngày 22/02/2019	20190219217-00	21/02/2019	Chưa đăng tải trên mạng đấu thầu
06	Khắc phục sự cố nâng cấp đảm bảo an toàn công trình Hồ Thôn 2	73/QĐ-SNN ngày 27/3/2019	530/QĐ-UBND ngày 20/04/2020	Đầu thầu rộng rãi	95/QĐ-KTTL ngày 18/5/2020	Báo đầu thầu số 78 ngày 28/4/2019	20200455132-01	27/04/2020	Đã đăng tải trên mạng đấu thầu
07	Công trình thủy lợi Núi Lửa	28/QĐ-SNN Ngày 15/01/2019	209/QĐ-UBND ngày 15/02/2019	Đầu thầu rộng rãi	132/QĐ-KTTL ngày 19/3/2019	Báo đầu thầu số 33 ngày 22/02/2019	20190219286-00	21/02/2019	Chưa đăng tải trên mạng đấu thầu
08	Công trình thủy lợi Đắc Mol	18/QĐ-SNN Ngày 08/01/2019	552/QĐ-UBND ngày 19/4/2019	Chỉ định thầu	160/QĐ-KTTL ngày 22/4/2019	TBMT: 20190459441	20190463653-00	23/04/2019	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT
09	Đập dâng Bon Phung	206/QĐ-SNN Ngày 15/01/2019	719/QĐ-UBND ngày 16/5/2019	Chỉ định thầu	199/QĐ-KTTL ngày 23/5/2019	TBMT: 20190574965	20190574977-00	28/05/2019	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT
<b>Nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn tăng thu, kết dư năm 2018)</b>									
10	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắc Ru II		1566/QĐ-UBND ngày 24/09/2019	Đầu thầu rộng rãi	534/KTTI ngày 06/11/2019	Báo đầu thầu số 189 ngày 07/10/2019	20191010968-00	04/10/2019	Không qua mạng
11	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắc S'rê		1563/QĐ-UBND ngày 24/09/2019	Đầu thầu rộng rãi	533/KTTI ngày 06/11/2019	Báo đầu thầu số 189 ngày 07/10/2019	20191011050-00	04/10/2019	Không qua mạng
12	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắc B'lao		1564/QĐ-UBND ngày 24/09/2019	Đầu thầu rộng rãi	557/KTTI ngày 14/11/2019	Báo đầu thầu số 189 ngày 07/10/2019	20191011077-00	04/10/2019	Không qua mạng
13	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đò Ry 1		1565/QĐ-UBND ngày 24/09/2019	Đầu thầu rộng rãi	558/KTTI ngày 14/11/2019	Báo đầu thầu số 189 ngày 07/10/2019	20191011102-00	04/10/2019	Không qua mạng
<b>Năm 2020</b>									
01	Hồ Thôn 5	Số 584/QĐ-SNN ngày 14/10/2020	1669/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	Đầu thầu rộng rãi	625/QĐ-KTTL ngày 18/12/2020	Báo đầu thầu số 222 ngày 19/11/2020	20201150449-00	18/11/2020	Qua mạng
02	Hồ Thôn 4	Số 586/QĐ-SNN ngày 14/10/2020	1668/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	Chỉ định thầu	604/QĐ-KTTL ngày 04/12/2020	Hệ thống mạng đấu thầu, báo đầu thầu	20210325995-00	25/11/2020	Qua mạng
03	Hồ 847	Số 585/QĐ-SNN ngày 14/10/2020	1673/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	Đầu thầu rộng rãi	625A/QĐ-KTTL ngày 18/12/2020	Báo đầu thầu số 222 ngày 19/11/2020	20201150441-00	18/11/2020	Qua mạng
04	Công trình thủy lợi N'Der	Số 587/QĐ-SNN ngày 14/10/2020	1671/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	Đầu thầu rộng rãi	653/QĐ-KTTL ngày 29/12/2020	Báo đầu thầu số 222 ngày 19/11/2020	20201150366-00	18/11/2020	Qua mạng
05	Hồ Thôn 2	Số 588/QĐ-SNN ngày 14/10/2020	1667/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	Chỉ định thầu	547/QĐ-KTTL ngày 16/11/2020	Hệ thống mạng đấu thầu	20210325935-00	23/11/2020	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT

*Handwritten signature*

06	Hồ Bās Rai	Số 583/QĐ-SNN ngày 14/10/2020	1670/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	Đấu thầu rộng rãi	04/QĐ-KTTL ngày 12/01/2021	Báo đấu thầu số 222 ngày 19/11/2020	20200455132-01	27/04/2020	Qua mạng
07	Kê chống sạt lở Đăk Nang	Số 593/QĐ-SNN ngày 20/10/2020	1675/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	Đấu thầu rộng rãi	613/QĐ-KTTL ngày 11/12/2020	Hệ thống mạng đấu thầu, báo đấu thầu	20201150472-00	18/11/2020	không qua mạng
08	Sửa chữa các CTTL trên địa bàn huyện Cư Jút	Số 484/QĐ-KTTL ngày 20/10/2020	529/QĐ-KTTL, ngày 04/11/2020	Chi định thầu	536/QĐ-KTTL ngày 09/11/2020	Hệ thống mạng đấu thầu, báo đấu thầu	20210325741-00	13/11/2020	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT
09	Sửa chữa các CTTL trên địa bàn huyện Đăk R'lấp	Số 634/QĐ-SNN ngày 03/11/2020		Chi định thầu	532/QĐ-KTTL, ngày 09/11/2020	Hệ thống mạng đấu thầu, báo đấu thầu	20210325740-00		không thể hiện hệ thống mạng đấu thầu
10	Sửa chữa các CTTL trên địa bàn huyện Krông Nô	Số 496/QĐ-KTTL ngày 26/10/2020		Chi định thầu	491/QĐ-KTTL, Ngày 02/10/2020	Hệ thống mạng đấu thầu, báo đấu thầu	20201128842-00	22/10/2020	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT, Quá TG đăng tải so với quy định 13 ngày
11	Sửa chữa, thay thế thiết bị cơ khí các CTTL đợt 1 năm 2020	Số 485/QĐ-KTTL ngày 21/10/2020		Chi định thầu	556/QĐ-KTTL ngày 18/11/2020	Hệ thống mạng đấu thầu, báo đấu thầu	20210208270-00	30/11/2020	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT, Quá TG đăng tải so với quy định 5 ngày
12	Sửa chữa các CTTL trên địa bàn huyện Tuy Đức	Số 506/QĐ-KTTL ngày 29/10/2020		Chi định thầu	533/QĐ-KTTL, ngày 09/11/2020	Hệ thống mạng đấu thầu, báo đấu thầu	20210325843-00	13/11/2020	Đăng tải KHLCNT sau khi có KQLCNT
13	Sửa chữa các CTTL trên địa bàn huyện Đăk Mil	Số 432/QĐ-KTTL ngày 22/9/2020	1543/QĐ-UBND ngày 16/10/2020	Chi định thầu	492/QĐ-KTTL, Ngày 26/10/2020	Hệ thống mạng đấu thầu, báo đấu thầu	20201128907-00	22/10/2020	
14	Sửa chữa các CTTL trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa	Số 628/QĐ-SNN ngày 29/10/2020		Chi định thầu	Số 569/QĐ-KTTL, ngày 20/11/2020	Hệ thống mạng đấu thầu, báo đấu thầu	không có	không có	Không đăng tải
15	Sửa chữa trụ sở làm việc Chi nhánh Tuy Đức	Số 498/QĐ-KTTL ngày 27/10/2020		Chi định thầu	518/QĐ-KTTL, ngày 30/10/2020	Hệ thống mạng đấu thầu, báo đấu thầu	không có	không có	Không đăng tải
16	Sửa chữa trụ sở làm việc Công Ty TNHH MTV Khai Thác CTTL Đăk Nông	Số 497/QĐ-KTTL ngày 27/10/2020		Chi định thầu	516/QĐ-KTTL, ngày 30/10/2020	Hệ thống mạng đấu thầu, báo đấu thầu	không có	không có	Không đăng tải
69	Cộng								

*Handwritten signature or mark*





**BẢNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 172/KL-TTr ngày 19/8/2021 của Thanh tra tỉnh)

TT	Danh mục công trình, dự án	Giá trị nghiệm thu; giá trị quyết toán	Giá trị thanh toán, quyết toán			Thời gian công trình hoàn thành đưa vào sử dụng	Hồ sơ quyết toán công trình hoàn thành				Thời gian quyết toán
			Tổng	Xây lắp	Chi phí khác		TT phê duyệt	Ngày nộp	QĐ phê duyệt	Công khai	
<b>I</b>	<b>Năm 2018</b>										
01	Hồ Núi Lửa, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ)	9.624,4	9.409,9	8.406,4	1.003,5	28/12/2018	23/TTr-KTTL ngày 22/03/2019	02/04/2019	287/TB-STC ngày 15/08/2019	Chưa công khai	QT chậm 3 tháng 23 ngày
02	Hồ Đắc Puer, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Bê tông đường đê đập)	1.105,4	1.077,7	957,1	120,6	11/05/2018	24/TTr-KTTL ngày 22/03/2019		288/TB-STC ngày 15/08/2019	Chưa công khai	QT chậm 3 tháng 23 ngày
03	CTTL Sinh Muồng, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Đường đê đập, đường vận hành)	1.048,7	1.022,9	910,8	112,1	04/08/2018	20/TTr-KTTL ngày 22/03/2019	02/04/2019	289/TB-STC ngày 15/08/2019	Chưa công khai	QT chậm 3 tháng 23 ngày
04	Hồ số 4, xã Đắc Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước)	5.879,0	5.831,1	5.143,5	687,6	12/09/2018	21/TTr-KTTL ngày 22/03/2018	02/04/2019	106/QĐ-STC ngày 11/07/2019	Chưa công khai	chậm 2 tháng 18 ngày
05	Hồ số 2, xã Đắc Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước)	6.572,6	6.545,5	5.770,1	775,3	28/12/2018	22/TTr-KTTL ngày 22/03/2019	02/04/2019	107/QĐ-STC ngày 11/07/2019	Chưa công khai	chậm 2 tháng 18 ngày
<b>II</b>	<b>Năm 2019</b>						-		-	-	
06	Hồ số 1	6.878,1	6.856,0	5.990,4	865,6	31/12/2019	07/TTr-KTTL ngày 18/02/2020	18/05/2020	QĐ 94/QĐ-STC ngày 25/8/2020	Chưa công khai	QT chậm 2 tháng 7 ngày
07	Hồ Buôn Lang	4.805,0	4.805,0	3.718,3	1.086,7	30/12/2019	08/TTr-KTTL ngày 18/02/2020	18/05/2020	QĐ 95/QĐ-STC ngày 25/8/2020	Chưa công khai	QT chậm 2 tháng 7 ngày
08	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắc S'rê	1.478,6	1.433,1	1.261,3	171,7	10/01/2020	49/TTr-KTTL ngày 05/08/2020	06/08/2020	QĐ 130/QĐ-STC ngày 27/10/2020	Chưa công khai	chậm 01 tháng 21 ngày
09	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đô Ry 1	1.415,4	1.387,8	1.231,3	156,5		55/TTr-KTTL ngày 23/3/2021	30/03/2021	QĐ số 57/QĐ-STC ngày 19/5/2021	Chưa công khai	chậm 19 ngày
<b>III</b>	<b>Năm 2020</b>										
10	Khắc phục sự cố nâng cấp đảm bảo an toàn công trình Hồ Thôn 2 (TX)	4.833,8	4.819,5	4.295,8	523,7	19/10/2020	06/TTr-KTTL ngày 13/1/2020	02/03/2020	QĐ số 55/QĐ-STC ngày 12/5/2021	Chưa công khai	

*Handwritten signature*

**BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, NÂNG CẤP, SỬA CHỮA  
GIAI ĐOẠN 2018-2020**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 473/KL-TTr ngày 19/8/2021 của Thanh tra tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt			Giá trị nghiệm thu; giá trị quyết toán	Giá trị thanh toán, quyết toán A-B		
		Tổng cộng	Xây lắp	Chi phí khác		Tổng	Xây lắp	Chi phí khác
<b>I</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>35.008,64</b>	<b>29.520,90</b>	<b>5.487,74</b>	<b>33.185,16</b>	<b>33.229,81</b>	<b>29.134,07</b>	<b>4.095,74</b>
<b>A</b>	<b>Nguồn hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi</b>							
1	Hồ Núi Lửa, xã Thuận An, huyện Đắk Mil (HM: Đập đất, tràn xả lũ)	10.000,00	8.448,04	1.551,96	9.624,38	9.703,24	8.408,82	1.294,42
2	CTTL Đắk Glun 1, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (HM: Sửa chữa tràn xả lũ)	2.050,79	1.815,43	235,36	2.002,76	2.002,76	1.789,18	213,58
3	Hồ Đắk Puer, xã Thuận An, huyện Đắk Mil (HM: Bê tông đường đê đập)	1.164,06	999,11	164,95	1.105,43	1.105,41	958,66	146,76
4	CTTL Sinh Muồng, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song (HM: Đường đê đập, đường vận hành)	1.096,21	938,99	157,22	1.048,70	1.047,23	910,82	136,41
5	Sửa chữa kênh tưới N5 - Trạm bơm số 5 hệ thống trạm bơm Đắk Rền, xã Năm N'Đir, huyện Krông Nô (HM: Kênh tưới N5)	334,32	291,80	42,52	322,20	322,20	282,99	39,20
6	Công trình thủy lợi Bàu Muối, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp (HM: Sửa chữa cống lấy nước, kênh N1)	219,96	192,20	27,76	212,08	212,08	186,43	25,64
7	Công trình thủy lợi Đắk R'Mu, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp (HM: Sửa chữa cống lấy nước)	166,98	145,22	21,76	161,01	161,01	140,86	20,15
8	Đập Thái Bá Long, Xã Đức Minh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Sửa chữa kênh)	187,07	161,82	25,26	180,31	180,31	156,96	23,35
9	Trạm bơm D12, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô (HM: Sửa chữa, thay thế hệ thống máy bơm)	386,25	343,61	42,64	372,25	372,25	333,30	38,95
10	Kênh tiêu Đắk Wil, xã Đắk Wil, huyện Cư Jút (HM: Gia cố bờ kênh trước và sau cống D50)	249,06	218,85	30,21	240,08	240,08	212,28	27,80
11	CTTL Đắk Diêr, Xã Cư Knia, huyện Cư Jút (HM: Sửa chữa kênh và công trình trên kênh)	251,73	221,67	30,06	242,69	242,69	215,02	27,67
12	Sửa chữa thiết bị vận hành các CTTL trên địa bàn huyện Đắk Mil (HM: Sửa chữa, thay thế thiết bị vận hành)	166,49	145,85	20,64	160,52	160,52	141,48	19,05
13	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Cư Jút (HM: Sửa chữa, nạo vét)	177,76	156,00	21,76	171,39	171,39	151,32	20,07
14	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Đắk Mil (HM: Sửa chữa, nạo vét)	278,63	245,54	33,08	268,61	268,61	238,18	30,43
15	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Đắk Song (HM: Sửa chữa, nạo vét)	91,30	79,71	11,59	88,03	88,03	77,32	10,71
16	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Tuy Đức (HM: Sửa chữa, nạo vét)	134,97	118,02	16,95	130,15	130,15	114,48	15,68
17	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa (HM: Sửa chữa, nạo vét)	77,25	67,74	9,50	74,45	74,45	65,71	8,74
18	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Đắk G'long (HM: Sửa chữa, nạo vét)	140,25	122,70	17,54	135,24	135,24	119,02	16,22

*Handwritten signature*

19	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Krông Nô (GD1) (HM: Sửa chữa, nạo vét)	378,70	334,38	44,32	364,84	364,84	324,35	40,49
20	Sửa chữa các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Krông Nô (GD2) (HM: Nâng cao thành kênh)	490,92	431,80	59,12	472,72	472,72	418,84	53,88
21	Sửa chữa, khắc phục tạm thời sạt lở công trình thủy lợi Thôn 2, xã Đăk N'Drung, huyện Đăk Song (HM: Sửa chữa đập đất)	196,22	173,56	22,66	189,03	189,03	168,35	20,68
22	Kênh tiêu Mỹ Yên, xã Đức Minh, huyện Đăk Mil	492,49	419,43	73,05	474,57	474,57	406,85	67,72
23	CTTL Đăk Nang, xã Đức Xuyên, huyện Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa cầu máng số 02 - Kênh N4B)	349,12	310,12	39,00	338,81	338,81	300,81	38,00
24	Kênh chống hạn Long Sơn, xã Nam Xuân, huyện rông Nô (Hạng mục: Sửa chữa kênh chính)	258,81	229,65	29,16	251,19	251,19	222,76	28,42
25	Trạm bơm số 05-Hệ thống trạm bơm Đăk Rền, xã Nam N'Đir, Krông Nô (HM: Sửa chữa, nâng cao thành kênh N5-2)	362,21	322,42	39,79	351,51	351,51	312,75	38,76
26	Trạm bơm D12 xã Quảng Phú, huyện Krông Nô (HM: Sửa chữa, nâng cao thành kênh N2)	418,07	372,07	46,00	405,71	405,71	360,91	44,80
27	Trạm bơm số 02-hệ thống trạm bơm Buôn Choah, xã Buôn Choah, huyện Krông Nô (HM: Sửa chữa, nâng cao thành kênh N2)	138,73	122,26	16,47	134,67	134,67	118,59	16,08
28	CTTL Buôn Dơng, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô (HM: Sửa chữa kênh chính)	347,81	309,24	38,57	337,53	337,53	299,96	37,58
29	Trạm bơm Ea Pô và Kênh tiêu Buôn K'Nha, huyện Cư Jút (HM: Sửa chữa, nâng cao thành kênh tưới Trạm bơm Ea Pô và Nạo vét kênh tiêu Buôn K'Nha)	478,62	422,65	55,97	461,33	461,33	409,97	51,37
30	CTTL Đăk Cút, xã Đăk Nia, thị xã Gia Nghĩa (HM: Sửa chữa, nạo vét kênh chính)	128,40	113,02	15,38	124,64	124,64	109,63	15,01
31	Sửa chữa, lắp đặt biển báo, biển cảnh báo, biển cấm các CTTL trên địa bàn tỉnh	295,49	262,45	33,04	286,75	286,75	254,38	32,36
<b>B</b>	<b>Nguồn ngân sách Nhà nước</b>							
1	Hồ số 4, xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức (HM: Sửa chữa tràn xả lũ, công lấy nước)	6.500,00	5.794,25	705,75	5.879,03	5.862,55	5.148,27	714,28
2	Hồ số 2, xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức (HM: Sửa chữa tràn xả lũ, công lấy nước)	7.000,00	5.191,32	1.808,68	6.572,57	6.556,33	5.774,83	781,50
<b>II</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>52.959,17</b>	<b>44.712,46</b>	<b>8.246,71</b>	<b>51.054,10</b>	<b>51.107,35</b>	<b>44.358,88</b>	<b>6.748,47</b>
<b>A</b>	<b>Nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của Công ty và các nguồn huy động hợp pháp khác</b>							
1	Hồ Đăk Mol	4.099,17	3.635,63	463,55	3.984,92	3.984,92	3.520,36	464,56
2	Hồ số 3	6.991,92	5.757,68	1.234,24	6.398,84	6.398,84	5.750,74	648,10
3	Hồ Đăk Huýt	4.000,00	3.471,20	528,80	3.872,50	3.872,50	3.466,24	406,26
<b>B</b>	<b>Chủ trương chống hạn 1875/QĐ-UBND ngày 22/11/2018</b>							
1	CTTL Đăk Săk	4.413,00	3.782,73	630,28	4.354,54	4.354,54	3.774,84	579,70
2	Hồ Đăk Goun Thượng	550,00	473,99	76,01	524,23	524,23	459,77	64,46
3	Công trình thủy lợi Núi Lửa	2.895,67	2.516,36	379,32	2.844,85	2.844,85	2.508,78	336,08
4	Công trình thủy lợi Đăk Mol	859,85	740,84	119,01	804,83	804,83	704,66	100,17
5	Công trình thủy lợi Bi Zê Rê	231,04	197,31	33,72	224,23	224,23	191,39	32,84
6	Công trình thủy lợi Đăk Mâm	749,76	641,43	108,33	714,74	714,74	622,19	92,55
7	Công trình thủy lợi Đăk Rô	349,83	301,37	48,45	333,52	333,52	292,33	41,19
8	Hồ Cầu Tư	500,00	396,46	103,54	380,50	380,50	317,60	62,90
9	Bon Phung	322,30	270,48	51,82	311,34	311,34	262,37	48,98
<b>C</b>	<b>Nguồn hỗ trợ ngân sách Trung ương</b>							
1	Hồ số 1	7.000,00	6.005,18	994,82	6.878,12	6.913,59	6.000,43	913,16
2	Hồ Đăk Glun 3	5.000,00	4.222,00	778,01	4.936,48	4.936,48	4.215,52	720,96
3	Hồ Buôn Lang	5.000,00	3.690,27	1.309,73	4.804,99	4.838,86	3.735,56	1.103,30
<b>D</b>	<b>Nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn tăng thu, kết dư năm 2018)</b>							



1	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắc Ru II	5.500,00	4.804,97	695,03	5.360,65	5.360,65	4.798,77	561,88
2	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắc S'rê	1.498,12	1.265,35	232,77	1.478,61	1.462,53	1.261,32	201,21
3	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắc B'Lao	1.498,51	1.269,35	229,17	1.430,77	1.430,77	1.244,73	186,05
4	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đò Ry I	1.500,00	1.269,88	230,12	1.415,44	1.415,44	1.231,29	184,14
<b>III</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>51.513,45</b>	<b>42.038,62</b>	<b>9.474,84</b>	<b>9.448,88</b>	<b>9.448,88</b>	<b>8.360,07</b>	<b>1.088,81</b>
<b>A</b>	<b>Nguồn kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020</b>							
1	Sửa chữa các CTTL trên địa bàn huyện Cư Jút	824,32	723,09	101,22	788,22	788,22	701,40	86,82
2	Sửa chữa các CTTL trên địa bàn huyện Đắk R'lấp	942,29	805,94	136,35	888,23	888,23	781,76	106,47
3	Sửa chữa các CTTL trên địa bàn huyện Krông Nô	419,01	373,21	45,80	406,43	406,43	362,01	44,42
4	Sửa chữa, thay thế thiết bị cơ khí các CTTL đợt 1 năm 2020	452,51	405,10	47,41	438,93	438,93	392,95	45,98
5	Sửa chữa các CTTL trên địa bàn huyện Tuy Đức	585,83	513,11	72,71	559,68	559,68	497,72	61,96
6	Sửa chữa các CTTL trên địa bàn huyện Đắk Mil	354,65	312,31	42,34	344,01	344,01	302,94	41,07
7	Sửa chữa các CTTL trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa	700,00	594,75	105,26	670,85	670,85	576,90	93,95
8	Sửa chữa trụ sở làm việc Chi nhánh Tuy Đức	177,85	152,40	25,45	172,43	172,43	147,83	24,60
9	Sửa chữa Trụ sở làm việc Công Ty TNHH MTV Khai Thác CTTL Đắk Nông	357,00	310,05	46,95	346,35	346,35	300,75	45,60
<b>B</b>	<b>Phân bổ và nguồn tăng thu và tiết kiệm chi năm 2019 của ngân sách tỉnh</b>							
1	Hồ Thôn 5	5.000,00	3.982,91	1.017,09	-	-	-	-
2	Hồ Thôn 4	1.600,00	964,62	635,38	-	-	-	-
3	Hồ 847	4.900,00	4.196,72	703,28	-	-	-	-
4	Công trình thủy lợi N'Der	2.500,00	1.610,26	889,74	-	-	-	-
5	Hồ Thôn 2	1.100,00	793,86	306,14	-	-	-	-
6	Hồ Bãs Rai	4.900,00	3.985,44	914,56	-	-	-	-
<b>C</b>	<b>Nguồn khắc phục do thiên tai gây ra</b>							
1	Khắc phục sự cố nâng cấp đảm bảo an toàn công trình Hồ Thôn 2	5.000,00	4.299,47	700,53	4.833,76	4.833,76	4.295,81	537,95
2	Kè chống sạt lở Đắk Nang	21.700,00	18.015,37	3.684,63	-	-	-	-
<b>69</b>	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>139.481,26</b>	<b>116.271,98</b>	<b>23.209,28</b>	<b>93.688,14</b>	<b>93.786,04</b>	<b>81.853,01</b>	<b>11.933,03</b>

*aujn*

THANH TRA TỈNH ĐẮK NÔNG  
ĐOÀN THANH TRA SỐ 18

Phụ lục số II-2

**BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN GIAI ĐOẠN 2018-2020**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 173./KL-TTr ngày 19/8/2021 của Thanh tra tỉnh)

TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán
<b>I</b>	<b>NĂM 2018</b>	<b>25.760,27</b>	<b>24.274,76</b>	<b>24.230,11</b>
	<b>Nguồn hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi</b>			
1	Hồ Núi Lửa, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ)	10.000,00	9.703,24	9.624,38
2	Hồ Đăk Puer, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Bê tông đường đê đập)	1.164,06	1.105,41	1.105,43
3	CTTL Sinh Muồng, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Đường đê đập, đường vận hành CT)	1.096,21	1.047,23	1.048,70
	<b>Nguồn ngân sách Nhà nước</b>			
4	Hồ số 4, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước)	6.500,00	5.862,55	5.879,03
5	Hồ số 2, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước)	7.000,00	6.556,33	6.572,57
<b>II</b>	<b>NĂM 2019</b>	<b>14.998,12</b>	<b>14.650,76</b>	<b>14.568,35</b>
	<b>Nguồn hỗ trợ ngân sách trung ương</b>			
6	Hồ số 1	7.000,00	6.913,59	6.878,12
7	Hồ Buôn Lang	5.000,00	4.838,86	4.804,99
	<b>Nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn tăng thu, kết dư năm 2018)</b>			
8	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đăk S'rê	1.498,12	1.478,61	1.465,53
9	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đô Ry 1	1.500,00	1.419,71	1.419,71
<b>III</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>5.000,00</b>	<b>4.833,76</b>	<b>4.833,76</b>
	<b>Nguồn khắc phục do thiên tai gây ra</b>			
10	Khắc phục sự cố nâng cấp đảm bảo an toàn công trình Hồ Thôn 2	5.000,00	4.833,76	4.833,76
	<b>Tổng</b>	<b>45.758,39</b>	<b>43.759,28</b>	<b>43.632,22</b>

*Handwritten signature*



**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU THẦU GIAI ĐOẠN 2018-2020**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 173/KL-TTr ngày 19/8/2021 của Thanh tra tỉnh)

TT	Danh mục công trình, dự án	Thi công xây dựng		
		Giá gói thầu	Giá trúng thầu	Tỷ lệ giảm thầu
<b>I</b>	<b>NĂM 2018</b>	<b>24.884,66</b>	<b>24.778,80</b>	<b>0,43%</b>
<b>A</b>	<b>Nguồn hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi</b>			
1	Hồ Núi Lửa, xã Thuận An, huyện Đắk Mít, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ)	8.448,04	8.408,82	0,46%
2	CTTL Đắk Glun 1, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ)	1.815,43	1.789,02	1,45%
3	Hồ Đắk Mơi	3.635,63	3.619,44	0,45%
<b>B</b>	<b>Nguồn ngân sách Nhà nước</b>			
1	Hồ số 4, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước)	5.191,32	5.186,69	0,09%
2	Hồ số 2, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước)	5.794,25	5.774,83	0,34%
<b>II</b>	<b>NĂM 2019</b>	<b>38.054,95</b>	<b>37.875,79</b>	<b>0,47%</b>
<b>A</b>	<b>Nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của Công ty và các nguồn huy động hợp pháp khác</b>			
1	Hồ số 3	5.757,68	5.750,74	0,12%
2	Hồ Đắk Huýt	3.471,20	3.466,24	0,14%
<b>B</b>	<b>Chủ trương chống hạn 1875/QĐ-UBND ngày 22/11/2018</b>			
1	CTTL Đắk Sắk	3.782,73	3.774,99	0,20%
2	Công trình thủy lợi Núi Lửa	2.516,36	2.512,84	0,14%
<b>C</b>	<b>Nguồn hỗ trợ ngân sách trung ương</b>			
1	Hồ số 1	6.005,18	5.997,47	0,13%
2	Hồ Đắk Glun 3	4.222,00	4.215,52	0,15%
3	Hồ Buôn Lang	3.690,27	3.662,67	0,75%
<b>D</b>	<b>Nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn tăng thu, kết dư năm 2018)</b>			
1	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắk Ru II	4.804,97	4.784,67	0,42%
2	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắk S'rê	1.265,35	1.261,32	0,32%
3	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắk B'Lao	1.269,35	1.265,89	0,27%
4	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đô Ry 1	1.269,88	1.183,46	6,81%
<b>III</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>36.131,59</b>	<b>35.955,15</b>	<b>0,49%</b>
<b>B</b>	<b>Phân bổ và nguồn tăng thu và tiết kiệm chi năm 2019 của ngân sách tỉnh</b>			
1	Hồ Thôn 5	3.982,91	3.978,42	0,11%
2	Hồ 847	4.196,72	4.190,34	0,15%
3	CTTL N'Der	1.610,26	1.607,04	0,20%
4	Hồ Băc Rai	3.987,89	3.985,44	0,06%
<b>C</b>	<b>Nguồn khắc phục do thiên tai gây ra</b>			
1	Khắc phục sự cố nâng cấp đảm bảo an toàn công trình Hồ Thôn 2	4.299,47	4.156,90	3,32%
2	Kè chống sạt lở Đắk Nang	18.054,33	18.037,01	0,10%
<b>21</b>	<b>Tổng cộng: 21 công trình</b>	<b>173.257,74</b>	<b>172.440,68</b>	<b>0,47%</b>

*duy*



**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH THANH TRA**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 173/KL-TTr ngày 19/8/2021 của Thanh tra tỉnh)

TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt			Giá trị nghiệm thu; giá trị quyết toán	Giá trị thanh toán, quyết toán A-B		
		Tổng cộng	Xây lắp	Chi phí khác		Tổng	Xây lắp	Chi phí khác
<b>I</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>31.642,68</b>	<b>26.560,26</b>	<b>5.082,42</b>	<b>29.933,12</b>	<b>29.977,78</b>	<b>26.262,50</b>	<b>3.715,28</b>
<b>A</b>	<b>Nguồn hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi</b>							
1	CTTL Đắk Glun 1, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ)	2.050,79	1.815,43	235,36	2.002,76	2.002,76	1.789,18	213,58
2	Hồ Đắk Puer, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Bê tông đường đê đập)	1.164,06	999,11	164,95	1.105,43	1.105,41	958,66	146,76
3	CTTL Sinh Muồng, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Đường đê đập, đường vận hành công trình)	1.096,21	938,99	157,22	1.048,70	1.047,23	910,82	136,41
4	Hồ Núi Lửa, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ)	10.000,00	8.448,04	1.551,96	9.624,38	9.703,24	8.408,82	1.294,42
5	Kênh tiêu Mỹ Yên, xã Đức Minh, huyện Đắk Mil (Hạng mục: Nạo vét, sửa chữa đoạn thôn Minh Đoài, thôn Yên Mỹ, thôn Thanh Lâm)	492,49	419,43	73,05	474,57	474,57	406,85	67,72
6	Trạm bơm D12 xã Quảng Phú, huyện Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa, nâng cao thành kênh N2)	418,07	372,07	46,00	405,71	405,71	360,91	44,80
7	Trạm bơm D12, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Sửa chữa, thay thế hệ thống máy bơm)	386,25	343,61	42,64	372,25	372,25	333,30	38,95
8	Kênh tiêu Đắk Wil, xã Đắk Wil, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Gia cố bờ kênh trước và sau cống D50)	249,06	218,85	30,21	240,08	240,08	212,28	27,80
9	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Sửa chữa, nạo vét)	177,76	156,00	21,76	171,39	171,39	151,32	20,07
10	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Krông Nô (GD1), tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Sửa chữa, nạo vét)	378,70	334,38	44,32	364,84	364,84	324,35	40,49
11	Sửa chữa các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Krông Nô (GD2), tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Nâng cao thành kênh)	490,92	431,80	59,12	472,72	472,72	418,84	53,88
12	Kênh chống hạn Long Sơn, xã Nam Xuân, huyện Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa kênh chính)	258,81	229,65	29,16	251,19	251,19	222,76	28,42
13	Trạm bơm số 05-Hệ thống trạm bơm Đắk Rền, xã Năm N'Dir, huyện Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa, nâng cao thành kênh N5-2)	362,21	322,42	39,79	351,51	351,51	312,75	38,76
14	Trạm bơm số 02-Hệ thống trạm bơm Buôn Choah, xã Buôn Choah, huyện Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa, nâng cao thành kênh N2)	138,73	122,26	16,47	134,67	134,67	118,59	16,08
15	Trạm bơm Ea Pô và Kênh tiêu Buôn K'Nha, huyện Cư Jút (Hạng mục: Sửa chữa, nâng cao thành kênh tưới TB Ea Pô và Nạo vét kênh tiêu Buôn K'Nha)	478,62	422,65	55,97	461,33	461,33	409,97	51,37
<b>B</b>	<b>Nguồn ngân sách Nhà nước</b>							
16	Hồ số 4, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước)	6.500,00	5.794,25	705,75	5.879,03	5.862,55	5.148,27	714,28
17	Hồ số 2, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước)	7.000,00	5.191,32	1.808,68	6.572,57	6.556,33	5.774,83	781,50
<b>II</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>52.056,01</b>	<b>43.943,30</b>	<b>8.112,71</b>	<b>50.185,00</b>	<b>50.238,26</b>	<b>43.612,79</b>	<b>6.625,47</b>
<b>A</b>	<b>Nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của Công ty và các nguồn huy động hợp pháp khác</b>							
1	Hồ Đắk Huýt, Quảng Trục, Tuy Đức; (Hạng mục: Sửa chữa đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước)	4.000,00	3.471,20	528,80	3.872,50	3.872,50	3.466,24	406,26
2	Hồ Đắk Mol, Đắk Song (Hạng mục: Đập đất)	4.099,17	3.635,63	463,55	3.984,92	3.984,92	3.520,36	464,56
3	Hồ số 3, Đắk Ngo, Tuy Đức (Hạng mục: Sửa chữa đập đất, tràn xả lũ)	6.991,92	5.757,68	1.234,24	6.398,84	6.398,84	5.750,74	648,10
<b>B</b>	<b>Chủ trương chống hạn 1875/QĐ-UBND ngày 22/11/2018</b>							
4	CTTL Đắk Sắk (Hạng mục: Nạo vét, sửa chữa kênh chính và kênh N1)	4.413,00	3.782,73	630,28	4.354,54	4.354,54	3.774,84	579,70
5	Công trình thủy lợi Núi Lửa (Hạng mục: Nạo vét hồ đập trung chuyển)	2.895,67	2.516,36	379,32	2.844,85	2.844,85	2.508,78	336,08
6	Công trình thủy lợi Đắk Mol (Hạng mục: Nạo vét, sửa chữa kênh nhánh Hà Nam Ninh, xã Đắk Mol, huyện Đắk Song)	859,85	740,84	119,01	804,83	804,83	704,66	100,17
7	Công trình thủy lợi Đắk Mâm (Hạng mục: Nạo vét, sửa chữa kênh N62)	749,76	641,43	108,33	714,74	714,74	622,19	92,55
8	Hồ Đắk Goun Thượng, Đức Minh, Đắk Mil (Hạng mục: Nạo vét, sửa chữa kênh chính)	550,00	473,99	76,01	524,23	524,23	459,77	64,46
9	Hồ Cầu Tư, xã Nghĩa Thắng, Đắk R'lấp (Hạng mục: Nạo vét sửa chữa kênh Bù Đốp)	500,00	396,46	103,54	380,50	380,50	317,60	62,90
<b>C</b>	<b>Nguồn hỗ trợ ngân sách trung ương</b>							

*(Handwritten signature)*

10	Hồ số 1, Đăk Ngo, Tuy Đức (Hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ)	7.000,00	6.005,18	994,82	6.878,12	6.913,59	6.000,43	913,16
11	Hồ Đăk Glun 3, Đăk Ngo, Tuy Đức (Hạng mục: Sửa chữa đập đất, tràn xả lũ)	5.000,00	4.222,00	778,01	4.936,48	4.936,48	4.215,52	720,96
12	Hồ Buôn Lang, Quảng Phú, Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước)	5.000,00	3.690,27	1.309,73	4.804,99	4.838,86	3.735,56	1.103,30
<b>D</b>	<b>Nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn tăng thu, kết dư năm 2018)</b>							
13	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đăk Ru II (Đăk R'lấp)	5.500,00	4.804,97	695,03	5.360,65	5.360,65	4.798,77	561,88
14	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đăk S'rê, xã Quảng Khê, Đăk G'long (Hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ)	1.498,12	1.265,35	232,77	1.478,61	1.462,53	1.261,32	201,21
15	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đăk B'Lao, Kiên Đức, Đăk R'lấp (Hạng mục: Sửa chữa đập đất, tràn xả lũ)	1.498,51	1.269,35	229,17	1.430,77	1.430,77	1.244,73	186,05
16	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đô Ry 1, Đăk R'la, Đăk Mil (Hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ)	1.500,00	1.269,88	230,12	1.415,44	1.415,44	1.231,29	184,14
<b>III</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>5.700,00</b>	<b>4.894,22</b>	<b>805,78</b>	<b>5.504,61</b>	<b>5.504,61</b>	<b>4.872,72</b>	<b>631,89</b>
<b>A</b>	<b>Nguồn kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020</b>							
1	Sửa chữa các CTTL trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa	700,00	594,75	105,26	670,85	670,85	576,90	93,95
<b>C</b>	<b>Nguồn khắc phục do thiên tai gây ra</b>							
2	Khắc phục sự cố nâng cấp đảm bảo an toàn công trình Hồ Thôn 2, Đăk Song	5.000,00	4.299,47	700,53	4.833,76	4.833,76	4.295,81	537,95
<b>35</b>	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>89.398,69</b>	<b>75.397,77</b>	<b>14.000,92</b>	<b>85.622,73</b>	<b>85.720,64</b>	<b>74.748,00</b>	<b>10.972,64</b>

*duy*



**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRẠ CÁC CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH 2018 - 2020**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 172./KL-TTr ngày 19/8/2021 của Thanh tra tỉnh)

TT	Danh mục công trình, dự án	Giá trị nghiệm thu xây lắp	Giá trị thanh toán	Kết quả thanh tra						Kiến nghị xử lý			
				Hồ sơ thiết kế dự toán tính thừa; thi công thiếu khối lượng			Hồ sơ chưa đảm bảo cơ sở			Thu hồi nộp ngân sách Nhà nước	Kiến nghị khác		
				Cộng	Hồ sơ thiết kế, dự toán tính thừa khối lượng	Hồ sơ thiết kế, dự toán lập sai định mức	Thi công, nghiệm thu khối lượng không đúng thiết kế	Nghiệm thu thanh toán không theo điều kiện thực tế thi công	Xác định cụ thể lý bởi tại sao không đảm bảo cơ sở		Chủ đầu tư rà soát, xử lý thi công bổ sung	Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu khối lượng	Lập hồ sơ điều chỉnh
(5)=(6+7+8)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(5)*100%	(11)	(12)=(10)	(13)=(9)				
<b>A</b>	<b>Nguồn NSNN (NS tỉnh; NS TW; Nguồn chống hạn)</b>	29.170,831	29.153,587	365,709	19,925	8,990	336,794	-	919,240	360,989	4,720	919,240	-
<b>I</b>	<b>Nguồn chống hạn</b>	8.387,837	8.387,837	50,831	11,135	-	39,696	-	118,700	46,111	4,720	118,700	-
1	CTTL Đăk Săk (Nạo vét, sửa chữa kênh chính và kênh N1)	3.774,839	3.774,839	18,348	11,135	-	7,213	-	36,460	18,348		36,460	
2	Hồ Đăk Goun Thượng, Đức Minh, Đăk Mil (Hạng mục: Nạo vét, sửa chữa kênh chính)	459,769	459,769	-	-	-	-	-	30,880	-		30,880	
3	Công trình thủy lợi Núi Lửa (Hạng mục: Nạo vét hồ đập trung chuyên, Đăk Mil)	2.508,777	2.508,777	-	-	-	-	-	-	-		-	
4	Công trình thủy lợi Đăk Mol (Hạng mục: Nạo vét, sửa chữa kênh nhánh Hà Nam Ninh, xã Đăk Mol, huyện Đăk Song)	704,661	704,661	2,050	-	-	2,050	-	13,100		2,050	13,100	
5	Công trình thủy lợi Đăk Mâm (Hạng mục: Nạo vét, sửa chữa kênh N62)	622,191	622,191	2,670	-	-	2,670	-	38,260		2,670	38,260	
6	Hồ Cầu Tư, xã Nghĩa Thắng, Đăk R'lấp (HM: Nạo vét sửa chữa kênh Bù Đốp)	317,600	317,600	27,763	-	-	27,763	-	-	27,763		-	
<b>II</b>	<b>Nguồn ngân sách trung ương</b>	12.246,888	12.229,644	163,923	-	8,990	154,933	-	714,450	163,923	-	714,450	-
7	Hồ Đăk Glun 3, Đăk Ngo, Tuy Đức (Hạng mục: Sửa chữa đập đất, tràn xả lũ)	4.215,515	4.215,515	93,756	-	-	93,756	-	91,390	93,756		91,390	
8	Hồ Buôn Lang, Quảng Phú, Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước)	3.735,561	3.718,317	29,140	-	-	29,140	-	321,570	29,140		321,570	
9	Khắc phục sự cố nâng cấp đảm bảo an toàn công trình Hồ Thôn 2	4.295,812	4.295,812	41,028	-	8,990	32,038	-	301,490	41,028		301,490	
<b>III</b>	<b>Nguồn ngân sách tỉnh</b>	8.536,106	8.536,106	150,955	8,790	-	142,165	-	86,090	150,955	-	86,090	-
10	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đăk Ru II	4.798,769	4.798,769	13,616	-	-	13,616	-	-	13,616		-	

*(Handwritten signature)*

TT	Danh mục công trình, dự án	Giá trị nghiệm thu xây lắp	Giá trị thanh toán	Kết quả thanh tra						Kiến nghị xử lý			
				Hồ sơ thiết kế dự toán tính thừa; thi công thiếu khối lượng				Hồ sơ chưa đảm bảo cơ sở		Thu hồi nộp ngân sách Nhà nước	Kiến nghị khác		
				Cộng	Hồ sơ thiết kế, dự toán tính thừa khối lượng	Hồ sơ thiết kế, dự toán lập sai định mức	Thi công, nghiệm thu khối lượng không đúng thiết kế	Nghiệm thu thanh toán không theo điều kiện thực tế thi công	Xác định cự ly bãi thải không đảm bảo cơ sở		Chủ đầu tư rà soát, xử lý thi công bổ sung	Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu khối lượng	Lập hồ sơ điều chỉnh
11	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắc S'rê, Quảng Khê, Đăk Glong (HM: Đập đất, tràn xả lũ)	1.261,320	1.261,320	77,748	-	-	77,748	-	59,730	77,748		59,730	
12	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắc B'lao	1.244,725	1.244,725	25,180	8,790	-	16,390	-	26,360	25,180		26,360	
13	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đò Ry 1	1.231,292	1.231,292	34,411	-	-	34,411	-	-	34,411		-	
<b>B</b>	<b>Nguồn thủy lợi phí</b>	<b>28.653,636</b>	<b>23.324,657</b>	<b>456,222</b>	<b>32,708</b>	<b>12,970</b>	<b>410,544</b>	<b>-</b>	<b>334,890</b>	<b>387,146</b>	<b>69,076</b>	<b>334,890</b>	<b>-</b>
<b>I</b>	<b>NĂM 2018</b>	<b>15.339,394</b>	<b>14.918,523</b>	<b>381,544</b>	<b>-</b>	<b>12,970</b>	<b>368,574</b>	<b>-</b>	<b>215,650</b>	<b>315,298</b>	<b>66,246</b>	<b>215,650</b>	<b>-</b>
1	Hồ Núi Lửa, xã Thuận An, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông (Hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ)	8.408,823	8.408,823	41,670	-	-	41,670	-	178,480	41,670		178,480	
2	CTTL Đăk Glun 1, xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức (HM: Sửa chữa tràn xả lũ)	1.789,181	1.699,721	-	-	-	-	-	22,590	-		22,590	
3	Hồ Đăk Puer, xã Thuận An, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông (Hạng mục: Bê tông đường đê đập)	958,656	958,656	-	-	-	-	-	14,580	-		14,580	
4	CTTL Sinh Muồng, xã Thuận Hạnh, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông (Hạng mục: Đường đê đập, đường vận hành)	910,817	910,817	89,650	-	12,970	76,680	-	-	89,650		-	
5	Trạm bơm D12, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông (Hạng mục: Sửa chữa, thay thế hệ thống máy bơm)	333,296	327,580	-	-	-	-	-	-	-		-	
6	Kênh tiêu Đăk Wil, xã Đăk Wil, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông (HM: Gia cố bờ kênh trước và sau cống D50)	212,281	188,448	-	-	-	-	-	-	-		-	
7	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Cư Jút (Hạng mục: Sửa chữa, nạo vét)	151,322	133,446	-	-	-	-	-	-	-		-	
8	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Krông Nô (GD1) (Hạng mục: Sửa chữa, nạo vét)	324,347	287,884	10,260	-	-	10,260	-	-	10,260		-	

*alyg*

TT	Danh mục công trình, dự án	Giá trị nghiệm thu xây lắp	Giá trị thanh toán	Kết quả thanh tra						Kiến nghị xử lý			
				Hồ sơ thiết kế dự toán tính thừa; thi công thiếu khối lượng				Hồ sơ chưa đảm bảo cơ sở		Thu hồi nợ ngân sách Nhà nước	Kiến nghị khác		
				Cộng	Hồ sơ thiết kế, dự toán tính thừa khối lượng	Hồ sơ thiết kế, dự toán lập sai định mức	Thi công, nghiệm thu khối lượng không đúng thiết kế	Nghiệm thu thanh toán không theo điều kiện thực tế thi công	Xác định cự ly bãi thải không đảm bảo cơ sở		Chủ đầu tư rà soát, xử lý thi công bổ sung	Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu khối lượng	Lập hồ sơ điều chỉnh
9	Sửa chữa các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Krông Nô (GD2) (Hạng mục: Nâng cao thành kênh)	418,843	370,780	56,026	-	-	56,026	-	-	56,026	-	-	-
10	Kênh tiêu Mỹ Yên, xã Đức Minh, huyện Đắk Mil	406,849	354,097	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Kênh chống hạn Long Sơn, xã Nam Xuân, huyện Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa kênh chính)	222,761	201,349	52,521	-	-	52,521	-	-	-	52,521	-	-
12	Trạm bơm số 05 - Hệ thống trạm bơm Đắk Rền, xã Năm N'Đir, Krông Nô (HM: Sửa chữa, nâng cao thành kênh N5-2)	312,747	282,272	25,490	-	-	25,490	-	-	22,236	3,254	-	-
13	Trạm bơm D12 xã Quảng Phú, huyện Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa, nâng cao thành kênh N2)	360,908	321,107	49,033	-	-	49,033	-	-	38,562	10,471	-	-
14	Trạm bơm số 02 - Hệ thống trạm bơm Buôn Choah, xã Buôn Choah, huyện Krông Nô (HM: Sửa chữa, nâng cao thành kênh N2)	118,594	106,283	13,157	-	-	13,157	-	-	13,157	-	-	-
15	Trạm bơm Ea Pô và Kênh tiêu Buôn K'Nha, huyện Cư Jút (HM: Sửa chữa, nâng cao thành kênh tưới TB Ea Pô và Nạo vét kênh tiêu Buôn K'Nha)	409,969	367,259	43,737	-	-	43,737	-	-	43,737	-	-	-
<b>II</b>	<b>NĂM 2019</b>	<b>12.737,339</b>	<b>7.944,613</b>	<b>71,848</b>	<b>29,878</b>	<b>-</b>	<b>41,970</b>	<b>-</b>	<b>119,240</b>	<b>71,848</b>	<b>-</b>	<b>119,240</b>	<b>-</b>
16	Hồ Đắk Mol	3.520,364	3.344,345	10,600	-	-	10,600	-	74,090	10,600	-	74,090	-
17	Hồ số 3 Đắk Ngo, Tuy Đức (HM: Sửa chữa đập đất, tràn xả lũ)	5.750,737	4.600,268	61,248	29,878	-	31,370	-	-	61,248	-	-	-
18	Hồ Đắk Huýt	3.466,238	-	-	-	-	(không kiểm tra thực tế thi công)	-	45,150	-	-	45,150	-
<b>III</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>576,903</b>	<b>461,521</b>	<b>2,830</b>	<b>2,830</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2,830</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
19	Sửa chữa các CTTL trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa	576,903	461,521	2,830	2,830	-	-	-	-	-	2,830	-	-
<b>C</b>	<b>Hỗn hợp 02 nguồn</b>	<b>16.923,533</b>	<b>16.617,785</b>	<b>164,192</b>	<b>73,972</b>	<b>-</b>	<b>90,220</b>	<b>125,950</b>	<b>168,920</b>	<b>164,192</b>	<b>-</b>	<b>168,920</b>	<b>125,950</b>

*Handwritten signature or mark*



TT	Danh mục công trình, dự án	Giá trị nghiệm thu xây lắp	Giá trị thanh toán	Kết quả thanh tra						Kiến nghị xử lý			
				Hồ sơ thiết kế dự toán tính thừa; thi công thiếu khối lượng				Hồ sơ chưa đảm bảo cơ sở		Thu hồi nộp ngân sách Nhà nước	Kiến nghị khác		
				Cộng	Hồ sơ thiết kế, dự toán tính thừa khối lượng	Hồ sơ thiết kế, dự toán lập sai định mức	Thi công, nghiệm thu khối lượng không đúng thiết kế	Nghiệm thu thanh toán không theo điều kiện thực tế thi công	Xác định cụ thể lý bởi thái không đảm bảo cơ sở		Chủ đầu tư rà soát, xử lý thi công bổ sung	Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu khối lượng	Lập hồ sơ điều chỉnh
1	Hồ số 4, xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước)	5.148,273	5.148,273	6,128	-	-	6,128	79,740	168,920	6,128		168,920	79,740
	Tổng mức đầu tư 6,5 tỷ. Trong đó vốn Ngân sách tỉnh 3,37 tỷ chiếm 51,85%; nguồn thu lợi phí 3,13 tỷ chiếm 48,15%												
2	Hồ số 2, xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước)	5.774,830	5.774,830	29,502	-	-	29,502	46,210	-	29,502		-	46,210
	Tổng mức đầu tư 7,0 tỷ. Trong đó vốn Ngân sách tỉnh 3,63 tỷ chiếm 51,86%; nguồn thu lợi phí 3,37 tỷ chiếm 48,14%												
3	Hồ số 1 Đăk Ngo, Tuy Đức (HM: Đập đất, tràn xả lũ)	6.000,430	5.694,682	128,562	73,972	-	54,590	-	-	128,562		-	
	Tổng mức đầu tư 7,0 tỷ. Trong đó vốn Ngân sách trung ương 5,0 tỷ chiếm 71,43%; nguồn thu lợi phí 2,0 tỷ chiếm 28,57%												
35	<b>Tổng cộng</b>	<b>74.748,000</b>	<b>69.096,029</b>	<b>986,123</b>	<b>126,605</b>	<b>21,960</b>	<b>837,558</b>	<b>125,950</b>	<b>1.423,050</b>	<b>912,327</b>	<b>73,796</b>	<b>1.423,050</b>	<b>125,950</b>



THANH TRA TỈNH ĐẮK NÔNG

Phụ lục số II-6

**BẢNG KÊ TỌNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA CHỨNG TỪ CHI PHÍ SỬA CHỮA CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL TỰ THỰC HIỆN (GIAO CHO XÍ NGHIỆP THI CÔNG)**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 173/KL-TTr ngày 19/8/2021 của Thanh tra tỉnh)

TT	Hạng mục Công trình	Tổng chi phí chưa thực hiện và thực hiện không đúng	Trong đó		Ghi chú
			Thanh toán khối lượng nhân công thiếu, khối lượng giảm so với dự toán	Phân bổ vật tư, vật liệu, vận chuyển, chi phí máy thi công phí chưa hợp lý	
	<b>Tổng cộng 25 công trình:</b>	920.625.600	672.409.153	248.216.447	-
01	Công trình sửa chữa nạo vét các CTTL phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Krông Nô (GD2)	42.149.633	40.079.633	2.070.000	
02	Công trình Trạm bơm Ea Pô và Kênh tiêu buôn K'Nha	82.774.047	56.202.724	26.571.323	
03	Công trình thủy lợi Đắk Nang- Hạng mục Cầu máng số 2	25.238.010	8.289.733	16.948.278	
04	Công trình nạo vét Kênh tiêu Mỹ Yên	108.420.471	108.420.471	-	
05	Công trình sửa chữa nạo vét các CTTL phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Krông Nô (GD1)	55.549.207	43.669.207	11.880.000	
06	Công trình sửa chữa, nạo vét các CTTL phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa	10.036.901	6.976.901	3.060.000	
07	Công trình sửa chữa lắp đặt biển báo, biển cấm	30.762.335	20.196.835	10.565.500	
08	Công trình Trạm bơm Đ12 - sửa chữa nâng cao thành Kênh N2	59.177.714	34.818.214	24.359.500	
09	Công trình thuộc Hệ thống trạm bơm Đắk Rền - sửa chữa nâng cao thành Kênh N5-2	53.877.841	38.103.841	15.774.000	
10	Công trình sửa chữa, nạo vét các CTTL phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Cư Jút	29.242.529	24.762.529	4.480.000	
11	Công trình sửa chữa nạo vét các CTTL phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Đắk GLong	20.474.541	18.894.541	1.580.000	
12	Công trình sửa chữa nạo vét các CTTL phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Đắk Song	16.609.519	15.989.519	620.000	
13	Công trình sửa chữa nạo vét kênh chính - CTTL Đắk Cút	15.629.116	9.227.116	6.402.000	
14	Công trình sửa chữa nâng cao thành Kênh N2 - Trạm bơm số 2 - Hệ thống trạm bơm Buôn Choah	22.422.465	16.520.965	5.901.500	
15	Công trình sửa chữa nạo vét các CTTL phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Đắk Mil	59.025.439	53.850.439	5.175.000	
16	Công trình sửa chữa nạo vét các CTTL phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Tuy Đức	31.161.404	27.991.058	3.170.346	
17	Công trình sửa chữa kênh chính - CTTL Buôn Dong	56.368.462	32.938.462	23.430.000	
18	Công trình thủy lợi Bầu Muối	26.467.794	13.877.794	12.590.000	
19	Công trình sửa chữa, khắc phục tạm thời sạt lở CTTL Thôn 2	21.820.751	15.220.751	6.600.000	
20	Công trình sửa chữa kênh chính - CTTL kênh chống hạn Long Sơn	33.310.576	16.491.576	16.819.000	
21	Công trình thủy lợi Đắk R'mu	16.848.949	8.008.949	8.840.000	
22	Công trình sửa chữa Kênh tiêu Đắk Wil	38.833.815	20.223.815	18.610.000	
23	Công trình sửa chữa trên kênh - thủy lợi Đắk Diêr	41.826.076	19.656.076	22.170.000	
24	Công trình sửa chữa kênh - Trạm bơm Đ12	9.962.424	9.362.424	600.000	
25	Công trình đầu tư mua sắm Trạm bơm Đắk Rền	12.635.582	12.635.582	-	

*allan*




**BẢNG TỔNG HỢP TRÁCH NHIỆM CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN TRONG QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 173./KL-TTr ngày 19/8/2021 của Thanh tra tỉnh)

TT	Danh mục công trình, dự án	Đơn vị chịu trách nhiệm		
		Đơn vị thi công	Đơn vị tư vấn giám sát	Đơn vị tư vấn thiết kế
1	CTTL Đắc Sắk	Công ty TNHH XD Đại Nài; đ/c: Số 102, Phan Đăng Lưu, phường Tân An, TP. BMT, Đắc Lắc	Công ty TNHH MTV XD TM An Hưng Bình (Tổ 2, đường Nguyễn Văn Trỗi, Nghĩa Trung, TP. Gia Nghĩa)	Công ty TNHH XD TMDV Gia Luân; 09/16 Ngô Máy, TP.BMT, Đắc Lắc
2	Hồ Đắc Goun Thượng, Đức Minh, Đắc Mil (Hạng mục: Nạo vét, sửa chữa kênh chính)	Công ty TNHH XD Đại Nài; đ/c: Số 102, Phan Đăng Lưu, phường Tân An, TP. BMT, Đắc Lắc	Công ty TNHH Xây dựng và Công nghệ Long Hưng (Số 236/24, đường Ngô Quyền, phường Tân An, TP.BMT)	
3	Công trình thủy lợi Núi Lửa (HM: Nạo vét hồ đập trung chuyển, Đắc Mil)			
4	Công trình thủy lợi Đắc Mol (Hạng mục: Nạo vét, sửa chữa kênh nhánh Hà Nam Ninh, xã Đắc Mol, Đắc Song)	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Trần Phú (đ/c: Tổ 3, p. Nghĩa Trung, TP Gia Nghĩa)	Công ty TNHH tư vấn và xây dựng GAIA (đ/c: Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông)	
5	Công trình thủy lợi Đắc Mâm (Hạng mục: Nạo vét, sửa chữa kênh N62)	Công ty TNHH Hòa Phúc Ban Mê (đ/c: 109B/22 Mai Hắc Đế, p. Tân Thành, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc)	Công ty TNHH Xây dựng và Công nghệ Long Hưng (Số 236/24, đường Ngô Quyền, phường Tân An, TP.BMT)	
6	Hồ Cầu Tư, xã Nghĩa Thắng, Đắc R'lấp (Hạng mục: Nạo vét sửa chữa kênh Bù Đốp)	Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Linh Phát; đ/c: Số 105 Sầm Bрам, phường Ea Tam, TP.BMT	Công ty TNHH Xây dựng và Công nghệ Long Hưng (Số 236/24, đường Ngô Quyền, phường Tân An, TP.BMT)	
7	Hồ Đắc Glun 3, Đắc Ngo, Tuy Đức (Hạng mục: Sửa chữa đập đất, tràn xả lũ)	Công ty TNHH Quang Mạnh; đ/c: Khối 6B, phường Tân Lợi, TP. BMT, Đắc Lắc	Công ty TNHH Xây dựng và Công nghệ Long Hưng (Số 236/24, đường Ngô Quyền, phường Tân An, TP.BMT)	
8	Hồ Buôn Lang, Quảng Phú, Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa đập đất, tràn xả lũ; công lấy nước)	LD Công ty TNHH Hà Thành và Công ty TNHH Quang Minh (đ/c: số 03 Cao Xuân Huy, p. Tân Lợi, TP Buôn Ma Thuột)	Công ty TNHH MTV XD TM An Hưng Bình (Tổ 2, đường Nguyễn Văn Trỗi, Nghĩa Trung, TP. Gia Nghĩa)	
9	Khắc phục sự cố nâng cấp đảm bảo an toàn công trình Hồ Thôn 2	Công ty TNHH Quang Mạnh; đ/c: Khối 6B, phường Tân Lợi, TP. BMT, Đắc Lắc	Công ty TNHH tư vấn và xây dựng 369; đ/c: Tổ 4, Phường Nghĩa Đức, Thị xã Gia Nghĩa, Đắc Nông	Công ty CP ĐTXD Tài nguyên nước SHT; Số 12 đường Lý Chính Thắng, Phường Tân An, TP.BMT
10	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắc Ru II	Công ty TNHH XD Đại Nài; đ/c: Số 102, Phan Đăng Lưu, phường Tân An, TP. BMT, Đắc Lắc	Công ty TNHH Xây dựng và Công nghệ Long Hưng (Số 236/24, đường Ngô Quyền, phường Tân An, TP.BMT)	
11	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắc S'rê	Công ty TNHH Quang Mạnh; đ/c: Khối 6B, phường Tân Lợi, TP. BMT, Đắc Lắc	Công ty TNHH Xây dựng và Công nghệ Long Hưng (Số 236/24, đường Ngô Quyền, phường Tân An, TP.BMT)	
12	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắc B'Lao	Liên danh Cty TNHH MTV XD TM An Hưng Bình (Tổ 2, đường Nguyễn Văn Trỗi, Nghĩa Trung, TP. Gia Nghĩa), Cty TNHH Xây dựng và Công nghệ Long Hưng (Số 236/24, đường Ngô Quyền, phường Tân An, TP.BMT)	Công ty TNHH tư vấn xây dựng An Quân (đ/c: 17/67 Nguyễn Viết Xuân, p. Tân Thành, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc)	Công ty CP ĐTXD Tài nguyên nước SHT; đ/c: Số 12 đường Lý Chính Thắng, Phường Tân An, TP.BMT
13	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắc Ry I	Liên danh Cty TNHH MTV XD TM An Hưng Bình (Tổ 2, đường Nguyễn Văn Trỗi, Nghĩa Trung, TP. Gia Nghĩa), Cty TNHH Xây dựng và Công nghệ Long Hưng (Số 236/24, đường Ngô Quyền, phường Tân An, TP.BMT)	Công ty TNHH TV & XD Hợp Nhất; Đường Phan Bội Châu, tổ 9, phường Nghĩa Thành, TP. Gia nghĩa	
14	Hồ Núi Lửa, xã Thuận An, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông (Hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ)	Công ty TNHH XD Đại Nài; đ/c: Số 102, Phan Đăng Lưu, phường Tân An, TP. BMT, Đắc Lắc	Công ty TNHH Xây dựng và Công nghệ Long Hưng (Số 236/24, đường Ngô Quyền, phường Tân An, TP.BMT)	
15	CTTL Đắc Glun 1, xã Đắc Ngo, huyện Tuy Đức (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ)	Công ty TNHH XD Đại Nài; đ/c: Số 102, Phan Đăng Lưu, phường Tân An, TP. BMT, Đắc Lắc	LD Công ty TNHH Thuận An và Công ty TNHH MTV Cường Vượng Đắc Nông (đ/c: tổ 2, p. Nghĩa Tân, TP. Gia Nghĩa)	

*(Handwritten signature)*

16	Hồ Đắc Puer, Xã Thuận An, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông (Hạng mục: Bê tông đường đĩnh đập)	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Trần Phú (đ/c: tổ 3, p. Nghĩa Trung, TP Gia Nghĩa, tỉnh Đắc Nông)	LD Công ty TNHH Thuận An và Công ty TNHH MTV Cường Vương Đắc Nông (đ/c: tổ 2, p. Nghĩa Tân, TP. Gia Nghĩa, tỉnh Đắc Nông)	
17	CTTL Sinh Muồng, Xã Thuận Hạnh, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông (Hạng mục: Đường đĩnh đập, đường vận hành CT)	Công ty TNHH DV&XD Linh Phát (đ/c: số 105 Sầm Prăm, p. EA Tam, TP. Buôn Ma thuột)	LD Công ty TNHH Thuận An và Công ty TNHH MTV xây dựng An Hưng Bình (đ/c: tổ 2, p. Nghĩa Tân, TP Gia Nghĩa)	Công ty TNHH MTV Cường Vương Đắc Nông (đ/c: tổ 2, p. Nghĩa Trung, TP Gia Nghĩa)
18	Trạm bơm D12, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắc Nông (Hạng mục: Sửa chữa, thay thế hệ thống máy bơm)			
19	Kênh tiêu Đắc Wil, xã Đắc Wil, huyện Cư Jút, tỉnh Đắc Nông (HM: Gia cố bờ kênh trước và sau cống D50)			
20	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Cư Jút (Hạng mục: Sửa chữa, nạo vét)			
21	Sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Krông Nô (GD1) (Hạng mục: Sửa chữa, nạo vét)	Xí nghiệp Xây dựng và dịch vụ	Công ty TNHH Thuận An	
22	Sửa chữa các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện Krông Nô (GD2) (Hạng mục: Nâng cao thành kênh)	Xí nghiệp Xây dựng và dịch vụ	Công ty TNHH Thuận An	
23	Kênh tiêu Mỹ Yên, xã Đức Minh, huyện Đắc Mil			
24	Kênh chống hạn Long Sơn, xã Nam Xuân, huyện rông Nô (Hạng mục: Sửa chữa kênh chính)	Xí nghiệp Xây dựng và dịch vụ	Công ty TNHH MTV Cường Vương Đắc Nông	
25	Trạm bơm số 05-Hệ thống trạm bơm Đắc Rền, xã Năm N'Đir, huyện Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa, nâng cao thành kênh N5-2)	Xí nghiệp Xây dựng và dịch vụ	Công ty TNHH MTV Cường Vương Đắc Nông	
26	Trạm bơm D12 xã Quảng Phú, huyện Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa, nâng cao thành kênh N2)	Xí nghiệp Xây dựng và dịch vụ	Công ty TNHH MTV Cường Vương Đắc Nông	
27	Trạm bơm số 02-hệ thống trạm bơm Buôn Choah, xã Buôn Choah, huyện Krông Nô (Hạng mục: Sửa chữa, nâng cao thành kênh N2)	Xí nghiệp Xây dựng và dịch vụ	Công ty TNHH MTV Cường Vương Đắc Nông	
28	Trạm bơm Ea Pô và Kênh tiêu Buôn K'Nha, huyện Cư Jút (HM: Sửa chữa, nâng cao thành kênh tưới TB Ea Pô và Nạo vét kênh tiêu Buôn K'Nha)	Xí nghiệp Xây dựng và dịch vụ	Công ty TNHH MTV Cường Vương Đắc Nông	
29	Hồ Đắc Mol	Công ty TNHH XD Đại Nài; đ/c: Số 102, Phan Đăng Lưu, phường Tân An, TP. BMT, Đắc Lắk	LD Công ty TNHH Thuận An và Công ty TNHH MTV xây dựng An Hưng Bình (đ/c: tổ 2, p. Nghĩa Tân, TP Gia Nghĩa, tỉnh Đắc Nông)	
30	Hồ số 3	Công ty TNHH XD Đại Nài; đ/c: Số 102, Phan Đăng Lưu, phường Tân An, TP. BMT, Đắc Lắk	Công ty TNHH Xây dựng và Công nghệ Long Hưng (Số 236/24, đường Ngô Quyền, phường Tân An, TP.BMT)	Công ty CP ĐTXD Tài nguyên nước SHT; đ/c: Số 12 đường Lý Chính Thắng, Phường Tân An, TP.BMT
31	Hồ Đắc Huyt	Công ty TNHH Quang Mạnh; đ/c: Khối 6B, phường Tân Lợi, TP. BMT, Đắc Lắk	Công ty TNHH TV & XD GAIA	
32	Sửa chữa các CTTL trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa			Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng 369 (đ/c: tổ 4, p. Nghĩa Đức, TP Gia Nghĩa)
33	Hồ số 4, xã Đắc Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắc Nông (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước)	Công ty TNHH Quang Mạnh; đ/c: Khối 6B, phường Tân Lợi, TP. BMT, Đắc Lắk	Công ty TNHH Xây dựng và Công nghệ Long Hưng (Số 236/24, đường Ngô Quyền, phường Tân An, TP.BMT)	
34	Hồ số 2, xã Đắc Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắc Nông (Hạng mục: Sửa chữa tràn xả lũ, cống lấy nước)	Công ty TNHH XD Đại Nài; đ/c: Số 102, Phan Đăng Lưu, phường Tân An, TP. BMT, Đắc Lắk	Công ty TNHH Hoà Phúc Ban Mê	
35	Hồ số 1	Công ty TNHH XD Đại Nài; đ/c: Số 102, Phan Đăng Lưu, phường Tân An, TP. BMT, Đắc Lắk	Công ty TNHH Xây dựng và Công nghệ Long Hưng (Số 236/24, đường Ngô Quyền, phường Tân An, TP.BMT)	Công ty CP ĐTXD Tài nguyên nước SHT; đ/c: Số 12 đường Lý Chính Thắng, Phường Tân An, TP.BMT

*Handwritten signature*